

BÙI HỮU MẠNH

Các loài *Bướm* ngày Phú Quốc



Lời cảm ơn

Cám ơn ông Dominic Scriven và Tổ chức Wildlife At Risk đã tài trợ cho các đợt điều tra cũng như việc in ấn cuốn sách này. Cám ơn anh Nguyễn Vũ Khôi, giám đốc của WAR, đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cuộc điều tra và đóng góp một phần không nhỏ số ảnh chụp trong sách. Cám ơn anh Lê Duy Sơn đã đóng góp một số mẫu bướm cũng như hỗ trợ việc tìm hiểu chu trình sống của nhiều loài bướm. Cám ơn các nhân viên của khu du lịch sinh thái Eo Xoài, các cán bộ Kiểm lâm Vườn quốc gia Phú Quốc đã hỗ trợ tôi trong quá trình điều tra.

Ảnh bìa, từ trái sang phải:

1. *Kallima limborgi*
2. *Hypolycaena thecloides*
3. *Taxila haquinus*

Ảnh bìa trong: nhộng của giống *Eurema*.

Bản quyền © **Tổ chức Wildlife At Risk và Vườn Quốc gia Phú Quốc, 2007.**

Tổ chức **Wildlife At Risk** xuất bản tài liệu này.

Khuyến khích việc bảo tồn sinh cảnh và môi trường tự nhiên của các loài có nguy cơ bị đe dọa trên đảo Phú Quốc.

Không được sao chép hoặc sử dụng các nội dung trong quyển sách này dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự đồng ý của tác giả và những người giữ bản quyền.

BÙI HỮU MẠNH

Các loài
Bướm ngày
Phú Quốc



MỤC LỤC

Giới thiệu	i
Danh lục	ii
Họ Papilionidae	11
Họ Pieridae	34
Họ Nymphalidae - phụ họ Danainae	48
Họ Nymphalidae - phụ họ Nymphalinae	72
Họ Nymphalidae - phụ họ Satyrinae	108
Họ Nymphalidae - phụ họ Amathusiinae	120
Họ Riodinidae	121
Họ Lycaenidae	125
Họ Hesperiiidae	152

Giới thiệu

Phú Quốc là hòn đảo lớn nhất nước ta, nằm ở phía Tây Nam của Tổ quốc. Nó đã được mệnh danh là “đảo Ngọc” do có nhiều nguồn tài nguyên quý giá. Dù tài nguyên biển được nhắc đến nhiều hơn, nhưng hệ động thực vật trên cạn của Phú Quốc cũng phong phú không kém. Với diện tích 31.422 hecta, chiếm hơn một nửa diện tích 56.200 hecta của đảo, Vườn quốc gia Phú Quốc là một trong những nơi bảo tồn nguồn động thực vật phong phú ấy của Việt Nam.

Trong xu hướng mở cửa hội nhập hiện nay, đảo Phú Quốc ngày càng phát triển. Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế có thể đưa đến những tác hại không nhỏ với thế giới tự nhiên nếu không có cơ chế quản lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đúng đắn. Thông tin về hệ động thực vật trên cạn của Phú Quốc không được biết đến nhiều như những vườn quốc gia khác. Một trong những nỗ lực đưa thông tin về đa dạng sinh học của đảo này đến với mọi người là những hoạt động về điều tra đa dạng sinh học cũng như khuyến khích phát triển du lịch sinh thái của tổ chức WAR.

Với tư cách là khách du lịch, tôi có vinh dự được tham gia một đoàn điều tra sinh học do WAR tài trợ vào đầu năm 2006. Những thông tin sơ bộ về bướm do tôi ghi nhận gây ra mối quan tâm nhất định đối với tổ chức này. Họ đã đề nghị tôi thực hiện một vài đợt điều tra bướm trên đảo. Ba đợt điều tra khu hệ bướm trên đảo Phú Quốc đã được tiến hành trong năm 2007. Với tổng số ngày điều tra không nhiều (khoảng gần 30 ngày) và hơn 170 loài đã được ghi nhận. Kết quả này góp một phần nhỏ và việc tìm hiểu hệ động thực vật của đảo Phú Quốc. Phần lớn điều tra được thực hiện trong Vườn Quốc gia Phú Quốc. Tuy nhiên, một phần không nhỏ thời gian cũng dành cho việc ghi nhận các loài bướm ở khu vực dân cư cũng như việc tìm hiểu chu trình sống của một số loài. Mặc dù vậy, do rất nhiều thông tin còn chưa hoàn chỉnh và thiếu sót, những ghi nhận về chu trình sống không được trình bày chi tiết trong tài liệu này. Danh sách này chưa thể coi là đầy đủ và trong tương lai số loài ghi nhận được thêm chắc chắn sẽ còn nhiều. Với một vài cấp phân loại mới ghi nhận được cho Việt Nam, khu hệ bướm ngày ở đây vẫn còn nhiều điều lý thú để nghiên cứu, đặc biệt là cấp loài phụ, vì Phú Quốc là một hệ sinh thái tương đối tách biệt so với khu vực Đông Nam Á thuộc lục địa châu Á.

Hy vọng rằng quyển sách nhỏ giới thiệu kết quả điều tra bướm ngày tại Phú Quốc sẽ giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về thế giới thiên nhiên đa dạng trên đảo này và góp phần tích cực và công tác bảo vệ thiên nhiên cũng như phát triển du lịch sinh thái một cách bền vững và thân thiện với môi trường.



Danh lục bướm ngày tại Phú Quốc

Trong danh lục này, phía sau tên khoa học là tên tác giả và năm mô tả. Phía sau năm mô tả là tên tiếng Anh để bạn đọc tham khảo. Tên tiếng Việt đề nghị được đề nghị và giới thiệu trong phần mô tả. Nếu một loài có hơn một tên tiếng Anh thì các tên cách nhau bằng dấu “/”. Do số lượng mẫu vật cũng như điều kiện so sánh mẫu vật hạn chế, hầu hết các loài phụ chỉ được thảo luận trong phần mô tả loài. Một số loài nữa cũng ghi nhận được ở Phú Quốc nhưng không xác định được đến cấp giống hay loài không được đưa vào danh lục này.

Họ Papilionidae

- Chilasa clytia* (Linnaeus, 1758) **Common Mime**; tr. 13
Graphium agamemnon (Linnaeus, 1758) **Tailed Jay/Tailed Green Jay**; tr. 29
Graphium antiphates (Cramer, [1775]) **Five bar Swordtail**; tr. 23
Graphium aristeus (Stoll, [1780]) **Chain Swordtail**; tr. 22
Graphium arycles (Boisduval, 1836) **Spotted Jay**, ; tr. 32
Graphium doson (C. & R. Felder, 1864) **Common Jay**; tr. 30
Graphium eurypylus (Linnaeus, 1758) **Pale Triangle**; tr. 31
Graphium macareus (Godart, [1819]) **Lesser Zebra**; tr. 26
Graphium megarus (Westwood, 1844) **Spotted Zebra**; tr. 28
Graphium sarpedon (Linnaeus, 1758) **Common Bluebottle/Blue Triangle**; tr. 29
Graphium xenocles (Doubleday, 1842) **Great Zebra**; tr. 25
Lamproptera curius (Fabricius, 1787) **White Dragontail**; tr. 33
Pachliopta aristolochiae (Fabricius, 1775) **Common Rose**; tr. 11
Papilio demoleus Linnaeus, 1758 **Common Lime/Lemon Butterfly**; tr. 16
Papilio demolion Cramer, [1776] **Banded Swallowtail**; tr. 14
Papilio memnon Linnaeus, 1758 **Great Mormon**; tr. 20
Papilio nephele Boisduval, [1836] **Black and White Helen/Yellow Helen**; tr. 15
Papilio polytes Linnaeus, 1758 **Common Mormon**; tr. 18
Parides coon (Fabricius, 1793) **Common Clubtail**; tr. 12
Troides helena (Linnaeus 1758) **Common Birdwing**; tr. 11

Họ Pieridae

- Appias albina* Boisduval, 1836 **Common Albatross**; tr. 38
Appias libythea (Fabricius, 1775) **Striped Albatross**; tr. 38



Appias lyncida (Cramer, [1777]) **Chocolate Albatross**; tr. 38
Catopsilia pomona (Fabricius, 1775) **Common Emigrant/Lemon Emigrant**; tr. 44
Catopsilia pyranthe (Linnaeus, 1758) **Mottled Emigrant**; tr. 43
Catopsilia scylla (Linnaeus, 1763) **Orange Migrant/Orange Emigrant**; tr. 41
Cepora iudith (Fabricius, 1787) **Orange Gull**; tr. 37
Delias hyparete (Linnaeus, 1758) **Painted Jezebel**; tr. 35
Delias pasithoe (Linnaeus, 1767) **Red-based Jezebel**; tr. 35
Eurema andersonii (Moore, 1886) **One-Spot Grass Yellow**; tr. 45
Eurema hecabe (Linnaeus, 1758) **Common Grass Yellow**; tr. 45
Gandaca harina (Horsfield, [1829]) **Tree Yellow**; tr. 47
Hebomoia glaucippe (Linnaeus, 1758) **Great Orange Tip**; tr. 39
Leptosia nina (Fabricius, 1793) **Psyche**; tr. 36
Pareronia anais (Fabricius, 1787) **Common Wanderer**; tr. 40

Họ Nymphalidae - Phụ họ Nymphalinae

Acraea violae (Fabricius, 1793) **Tawny Coster**; tr. 72
 ? *Ariadne ariadne* (Linnaeus, 1763) **Angled Castor**; tr. 72
Athyma nefte (Cramer, [1780]) **Colour Sergeant**; tr. 95
Athyma perius (Linnaeus, 1758) **Common Sergeant**; tr. 92
Athyma pravarra Moore, 1857 **Unbroken Sergeant**; tr. 95
Cethosia cyane (Drury, 1773) **Leopard Lacewing/Malay Lacewing**; tr. 73
Cupha erymanthis (Drudy, [1773]) **Rustic**; tr. 75
Doleschallia bisaltide (Cramer, [1777]) **Autumn Leaf**; tr. 86
Euripus nycltelius (Doubleday, 1845) **Courtesan**; tr. 107
Euthalia aconthea (Cramer, [1777]) **Common Baron**; tr. 102
Euthalia anosia (Moore, [1858]) **Grey Baron**; tr. 103
Euthalia evelina (Stoll, [1790]) **Red Spot Duke**; tr. 104
Euthalia monina (Fabricius, 1787) **Malay Baron**; tr. 103
 ? *Euthalia phemius* (Doubleday, [1848]) **White-edged Blue Baron**; tr. 103
Euthalia teuta (Doubleday, [1848]) **Banded Marquis**; tr. 104
Hypolimnias bolina (Linnaeus, 1758) **Great Eggfly/Common Eggfly**; tr. 84
Junonia almana (Linnaeus, 1758) **Peacock Pansy**; tr. 79
Junonia atlites (Linnaeus, 1763) **Grey Pansy**; tr. 80
Junonia iphita (Cramer, [1779]) **Chocolate Pansy/Chocolate Soldier**; tr. 83
Junonia lemonias (Linnaeus, 1758) **Lemon Pansy**; tr. 82



Junonia orithya (Linnaeus, 1758) **Blue Pansy**; tr. 82
Kallima limborgii Moore, [1879] **Leaf Butterfly**; tr. 88
Lebadea martha (Fabricius, 1787) **Knight**; tr. 97
Lexias albopunctata (Crowley, 1895); tr. 105
Moduza procris (Cramer, [1777]) **Commander**; tr. 98
Neptis hylas (Linnaeus, 1758) **Common Sailer**; tr. 90
Pandita sinope Moore, [1858] **Colonel**; tr. 98
Pantoporia hordonia (Stoll, [1790]) **Common Lascar**; tr. 91
Pantoporia paraka (Butler, [1879]) **Perak Lascar**; tr. 91
Pantoporia sandaka (Butler, 1892) **Extra Lascar**; tr. 91
Parthenos sylvia (Cramer, [1775]) **Clipper**; tr. 96
Phalanta phalanta (Drury, [1773]) **Common Leopard**; tr. 76
Polyura athamas (Drury, [1773]) **Common Nawab**; tr. 105
Tanaecia julii (Lesson, 1837) **Common Earl**; tr. 99
Tanaecia lepidea (Butler, 1868) **Grey Count**; tr. 101
Terinos terpander Hewitson, 1862 **Royal Assyrian**; tr. 78
Vagrans egista (Cramer, [1780]) **Vagrant**; tr. 76
Vindula dejone (Erichson, 1834) **Cruiser**; tr. 77

Họ Nymphalidae - phụ họ Danainae

Danaus chrysippus (Linnaeus, 1758) **Plain Tiger**; tr. 51
Danaus genutia (Cramer, [1779]) **Common Tiger**; tr. 48
Danaus melanippus (Cramer, [1777]) **White Tiger**; tr. 50
Euploea algea (Godart, 1819) **Long Branded Blue Crow**; tr. 58
Euploea camaralzeman Butler, 1866 **Malayan Crow**; tr. 56
Euploea core (Cramer, [1780]) **layardi** Druce, 1874 **Common Indian Crow**; tr. 60
Euploea crameri Lucas, 1853 **Spotted Black Crow**; tr. 64
 ? *Euploea doubledayi* C. & R. Felder, [1865] **Striped Black Crow**; tr. 62
Euploea eyndhovii C. & R. Felder, [1865] **Striped Black Crow**; tr. 62
Euploea midamus (Linnaeus, 1758) **Blue Spotted Crow**; tr. 59
Euploea modesta Butler, 1866 **Plain Blue Crow**; tr. 58
Euploea mulciber (Cramer, [1777]) **Striped Blue Crow**; tr. 65
Euploea phaenareta (Schaller, 1785) **King Crow**; tr. 68
Euploea radamanthus (Fabricius, 1793) **Magpie Crow**; tr. 70
Ideopsis similis (Linnaeus, 1758) **Blue Glassy Tiger**; tr. 54



Ideopsis vulgaris (Butler, 1874) **Blue Glassy Tiger**; tr. 54
Parantica aglea (Stoll, [1782]) **Glassy Tiger**; tr. 52
Parantica aspasia (Fabricius, 1787) **Yellow Glassy Tiger**; tr. 53
Tirumala septentrionis (Butler, 1874) **Dark Blue Tiger**; tr. 51
Tirumala limniace (Cramer, [1775]) **Blue Tiger**; tr. 52

Họ Nymphalidae - Phụ họ Satyrinae

Elymnias hypermnestra (Linnaeus, 1763) **Common Palm Fly**; tr. 110
Elymnias nesaea (Linnaeus, 1764) **Tiger Palmfly**; tr. 110
Melanitis leda (Linnaeus, 1758) **Common Evening Brown**; tr. 109
Mycalesis mineus (Linnaeus, 1758) **Dark Brand Bush Brown**; tr. 113
Mycalesis perseoides (Moore, [1892]) **Burmese Bush Brown**; tr. 113
Mycalesis perseus (Fabricius, 1775) **Dingy Bush Brown/Common Bush Brown**; tr. 113
Orsotriaena medus (Fabricius, 1775) **Nigger**; tr. 112
Ypthima baldus (Fabricius, 1775) **Common Five Ring**; tr. 116
Ypthima huebneri Kirby, 1871 **Common Four Ring**; tr. 118

Họ Nymphalidae - Phụ họ Amathusiinae

Amathusia phidippus (Linnaeus, 1763) **Palm King**; tr. 120

Họ Riodinidae

Abisara echerius (Stoll, 1790) **Plum Judy**; tr. 124
Taxila haquinus (Fabricius, 1793) **Harlequin**; tr. 122
Zemeros flegyas (Cramer, [1780]) **Punchinello**; tr. 121

Họ Lycaenidae

Acytolepis puspa (Horsfield, [1828]) **Common Hedge Blue**; tr. 127
Allotinus subviolaceus C. & R. Felder, [1865] **Blue Darkie**; tr. 127
Anthene emolus (Godart, [1824]) **Ciliate Blue**; tr. 137
Arhopala abseus (Hewitson, 1862) **Aberrant Bush Blue**; tr. 140
Arhopala aida de Nicéville, 1889; tr. 139
Arhopala alitaeus (Hewitson, 1862); tr. 139
Arhopala anthelus (Westwood, [1851]); tr. 138
Arhopala aurelia (Evans, [1925]); tr. 139
Arhopala elopura Druce, 1894; tr. 139
Arhopala eumolpus (Cramer, [1780]) **Green Oak Blue**; tr. 140



Arhopala perimuta (Moore, [1858]) **Yellow Disc Oak Blue**; tr. 138
Arhopala pseudocentaurus (Doubleday, 1847) **Centaur Oak Blue**; tr. 138
Arhopala silhetensis (Hewitson, 1862) **Sylhet Oak Blue**; tr. 140
Castalius rosimon (Fabricius, 1775) **Common Pierrot**; tr. 126
Catochrysops panormus (C. Felder, 1860) **Silver Forget-Me-Not**; tr. 131
Cheritra freja (Fabricius, 1793) **Common Imperial**; tr. 144
Chilades lajus (Stoll, [1780]) **Lime Blue**; tr. 130
Curetis bulis (Westwood, [1851]) **Bright Sunbeam**; tr. 150
Curetis saronis Moore, 1877 **Burmese Sunbeam**; tr. 151
Deudorix epijarbas (Moore, [1858]) **Cornelian**; tr. 145
? *Drupadia ravindra* (Horsfield, [1829]); tr. 145
Euchrysops cnejus (Fabricius, 1798) **Gram Blue**; tr. 131
Hypolycaena erylus (Godart, [1824]) **Common Tit**; tr. 147
Hypolycaena thecloides (C. & R. Felder, 1860) **Brown Tit**; tr. 147
Jamides celeno (Cramer, [1775]) **Common Cerulean**; tr. 132
Loxura atymnus (Stoll, [1780]) **Yamfly**; tr. 143
Miletus mallus (Fruhstorfer, 1913) **Brownie/Common Brownie**; tr. 125
Nacaduba sanaya Fruhstorfer, 1916 **Small Four-Line-Blue**; tr. 133
Neomyrina nivea (Goodman & Salvin, 1787) **White Imperial**; tr. 142
Neopithecops zalmora (Butler, 1870) **Quaker**; tr. 126
Prosotas dubiosa (Semper, [1879]) **Tailless Lineblue**; tr. 133
Prosotas nora (C. Felder, 1860) **Common Lineblue**; tr. 133
Prosotas pia Toxopeus, 1929 **Blues**; tr. 133
Rapala suffusa (Moore, [1879]) **Suffused Flash**; tr. 148
Rapala dieneces (Hewitson, 1878) **Scarlet Flash**; tr. 148
Rapala pheretima (Hewitson, [1863]) **Copper Flash**; tr. 148
Spindasis lohita (Horsfield, [1829]) **Long-banded Silverline**; tr. 149
Una usta (Distant, 1886) **Una/Singleton**; tr. 136
Zeltus amasa (Hewitson, [1865]) **Fluffy Tit**; tr. 146
Zizeeria karsandra (Moore, 1865) **Dark Grass Blue**; tr. 128
Zizina otis (Fabricius, 1787) **Lesser Grass Blue**, ; tr. 129
Zizula hylax (Fabricius, 1775) **Tiny Grass Blue**; tr. 129



Hq HesperIIDae

- Astictopterus jama* C. & R. Felder, 1860 **Forest Hopper**; tr. 157
Baoris sp.; tr. 169
Bibasis sena (Moore, [1866]) **Orange-tail Awl**; tr. 152
Caprona agama (Moore, [1858]) **Spotted Angle**; tr. 157
Erionota acroleuca (Wood-Mason & de Nicéville, 1881) **White tipped Skipper**; tr. 166
Gangara thyrsis (Fabricius, 1775) **Giant Red-eye**; tr. 165
Hasora chromus (Cramer, [1780]) **Common Banded Awl**; tr. 152
Hasora taminatus (Hübner, [1818]) **White Banded Awl**; tr. 153
? *Hasora badra* (Moore, [1858]) **Common Awl**; tr. 153
Hyarotis adrastus (Stoll, [1780]) **Tree Flitter**; tr. 165
Iambrix salsala (Moore, [1866]) **Chestnut Bob**; tr. 158
Lotongus calathus (Hewitson, 1876) **White-tipped Palmer**; tr. 164
Matapa aria (Moore, [1866]) **Common Red-eye**; tr. 167
Notocrypta paralysos (Wood-Mason & de Nicéville, 1881) **Common Banded Demon**; tr. 160
Odontoptilum angulatum (Felder, 1862) **Chestnut Angle**; tr. 156
Parnara apostata (Snellen, [1880]); tr. 168
Pelopidas mathias (Fabricius, 1798) **Small Branded Swift**; tr. 168
Potanthus sp.; tr. 169
Psolos fuligo (Mabile, 1876) **Coon**; tr. 157
Pyrroneura margherita (Doherty); tr. 163
Suastus minutus (Moore, 1877) **Small Palm Bob**; tr. 162
Suastus gremius (Fabricius, 1798) **Common Palm Bob**; tr. 162
Tagiades gana (Moore, [1866]) **Large Snow Flat**; tr. 154
Tagiades japedus (Stoll, [1781]) **Common Snow Flat**; tr. 155

Bản đồ các tuyến điều tra bướm ngày ở Phú Quốc



Các quy ước sử dụng trong sách

- sc: chiều dài sải cánh; ct: chiều dài cánh trước. Chiều dài cánh được tính bằng milimét (mm). Đối với những loài không thu được mẫu vật tại Phú Quốc, kích thước dựa trên các mẫu vật thu được ở nơi khác để người đọc tham khảo. Đối với những mẫu vật được chuẩn bị không đúng quy ước chung (đáy cánh trước không vuông góc với thân), cách đo sải cánh được minh họa ở hình dưới.

- ♂: con đực; ♀: con cái

- ▽: mặt trên cánh; △: mặt dưới cánh

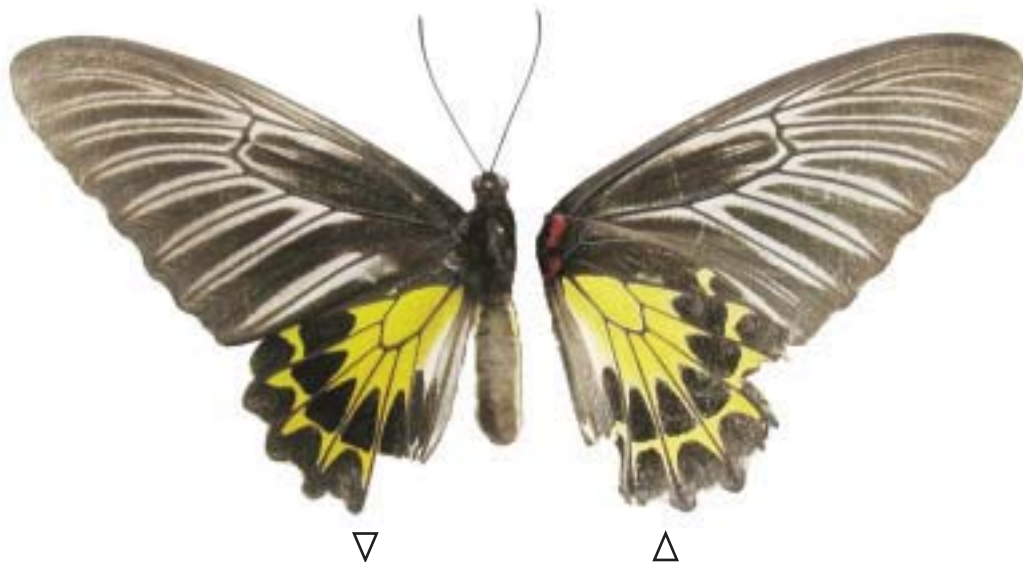
- Với những loài việc định danh không chắc chắn, dấu chấm hỏi được đặt trước tên.

- Với những loài không thu được mẫu vật tại Phú Quốc nhưng có hình ảnh minh họa mẫu vật thu tại nơi khác, những hình ảnh đó chỉ có tính chất minh họa cho loài chứ không phải loài phụ, và chỉ nhằm mục đích tham khảo. Tài liệu này không sử dụng ảnh chụp trong điều kiện tự nhiên ở nơi khác.

Bướm phượng cánh chim***Troides helena*** sc 125mm, ct 80mm (♀)

Kích thước lớn, cánh trước màu đen, cánh sau màu vàng. Con cái lớn hơn con đực, các đốm đen ở cánh sau lớn hơn. Bay cao, khó tiếp cận.

Quan sát được tại Eo Xoài và Rừng Quốc phòng. Con cái của loài này do anh Lê Duy Sơn thu được tại Eo Xoài. Đây là loài phụ *T. helena cerberus*.

*Troides helena* ♀ x0,8

Tháng VII - 2007, Eo Xoài. Mẫu: Lê Duy Sơn. Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Bướm phượng thân hồng***Pachliopta aristolochiae***

Cánh không hẹp như *P. coon*. Phân biệt với con cái loài *P. polytes* (dạng bắt chước) bởi thân màu đỏ trong khi thân *P. polytes* màu đen đốm trắng, đồng thời cánh *P. aristolochiae* hẹp hơn cánh *P. polytes*.

Chỉ mới quan sát được tại Eo Xoài. Chưa thu được mẫu.

Bướm phượng vàng đuôi hẹp***Parides coon*** sc 100mm, ct 55mm

Cánh rất hẹp. Cánh sau có các đốm trắng ở giữa cánh và rìa cánh. Góc ngoài cánh sau các đốm có màu vàng, đuôi ở cánh sau thắt eo tạo thành một cuống rất mảnh so với *P. aristolochiae*. Loài phụ *P. coon doubledayi* có các đốm ở góc ngoài cánh sau màu hơi đỏ, trong khi mẫu vật chúng tôi thu được ở Phú Quốc có góc ngoài cánh sau không có màu đỏ mà màu vàng hơi trắng.

Rừng Quốc phòng, rạch Tràm.

*Parides coon* ♂

17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

*Parides coon* ♂

17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm phượng mạo danh thường***Chilasa clytia*** sc 86mm, ct 50mm

Có hai dạng chính. Dạng màu nâu bắt chước các loài trong giống *Euploea*, mặt trên và dưới cánh có màu nâu. Mép ngoài cánh sau có các đốm trắng và vàng. Dạng trắng đen bắt chước các loài trong giống *Ideopsis*, có màu đen với các vạch trắng, góc ngoài cánh sau cũng có các đốm trắng và vàng. Trong hai dạng chính này còn có nhiều dạng phụ khác nhau.

Rừng quốc phòng, Eo Xoài.
Đến nay chỉ gặp một dạng là *onpage*.



Chilasa clytia, dạng *onpage* ♂
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Chilasa clytia, dạng *onpage* ♂
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm phượng băng vàng***Papilio demolion*** sc 80mm, ct 48mm

P. demolion rất dễ nhận diện nhờ kích thước lớn, đuôi tương đối dài. Cánh trước có một vạch vàng rộng chạy giữa cánh. Cánh sau có một vạch vàng rộng chạy gần gốc cánh, gần rìa cánh sau có các đốm vàng, nhỏ dần từ góc ngoài cánh đến bờ trước cánh. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc là loài phụ *P. demolion demolion*.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, Đá Bàn. Chỉ gặp từng cá thể riêng lẻ. Mẫu vật do anh Lê Duy Sơn thu được tại Eo Xoài.



Papilio demolion ♂
20 - VII - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn

Bướm phượng đen bốn mảnh trắng***Papilio nephelus*** sc 90mm, ct 56mm

Kích thước lớn, màu đen. Mặt trên cánh sau có bốn đốm trắng, mặt dưới cánh sau cũng có bốn đốm trắng và các đốm vàng hình mặt trăng chạy dọc mép cánh và đáy cánh. Mẫu vật ghi nhận ở Phú Quốc là loài phụ *P. nephelus chaon*.

Thường gặp ở các con suối ven rừng. Sâu ăn lá chanh trong điều kiện nuôi tại Eo Xoài.



Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Papilio nephelus ♂

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

*Papilio nephelus* ♂

18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Bướm phượng đốm vàng chanh***Papilio demoleus*** sc 72mm, ct 45mm

Papilio demoleus ♂
16 - VII - 2007, Núi Tượng

Nền đen, có các đốm trắng xanh ở con đực và hơi vàng ở con cái rải đều khắp cánh. Đáy cánh có một vài đốm đỏ. Con cái lớn hơn con đực. Sâu đẻ trứng trên các cây thuộc họ cam chanh (Rutaceae). Loài phụ ở Phú Quốc là *P. demoleus malayanus*.

Phổ biến gần như khắp nơi ở các khu vực dân cư và các vùng ven rừng, ít gặp trong rừng.



Papilio demoleus ♂
20 - IV - 2007, nuôi tại Eo Xoài



Papilio demoleus ♀
20 - VI - 2006, Eo Xoài

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Bướm phượng chanh***Papilio polytes*** sc 84mm, ct 45mm

Loài lưỡng hình. Con đực màu đen với dãy chấm trắng ở giữa cánh sau, con cái bắt chước kiểu màu sắc của loài *Pachliopta aristolochiae*, cánh sau có các chấm trắng lớn ở vùng giữa cánh và các chấm đỏ chạy ở mép cánh. Con cái lớn hơn con đực. Loài phụ ở Phú Quốc là *P. polytes romulus*.

Phổ biến khắp nơi. Trong rừng thường gặp con đực hơn. Con cái đẻ trứng trên các cây thuộc họ cam chanh, và một số loài cây đại khác.

*Papilio polytes* ♂

18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

*Papilio polytes* ♀

27 - XI - 2007, nuôi tại Eo Xoài

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi



▽ △
Papilio polytes ♂
20 - IV - 2007, nuôi tại Eo Xoài



▽ △
Papilio polytes ♀
20 - IV - 2007, nuôi tại Eo Xoài

Bướm phượng xanh lớn đốm đỏ***Papilio memnon*** sc 110mm, ct 62mm

Kích thước lớn. Loài lưỡng hình. Con đực có màu xanh dương sậm, phần gốc cánh có màu đỏ, không đuôi. Con cái có nhiều dạng khác nhau, có dạng có đuôi, có dạng không đuôi, tại Phú Quốc hiện nay ghi nhận được hai dạng là *agenor* và *distantianus*. Loài phụ ở Phú Quốc là *P. memnon agenor*.

Rừng Quốc phòng, Eo Xoài. Hai dạng con cái do anh Lê Duy Sơn thu được tại Eo Xoài.

*Papilio memnon* ♂

16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

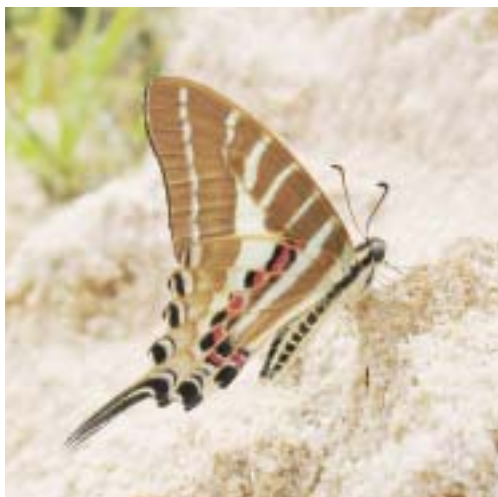


Papilio memnon ♂
16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Papilio memnon ♀ x0.8. Trái: Dạng *agenor*; Phải: dạng *distantianus*.
Tháng VII - 2007, Eo Xoài.

Mẫu: Lê Duy Sơn. Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

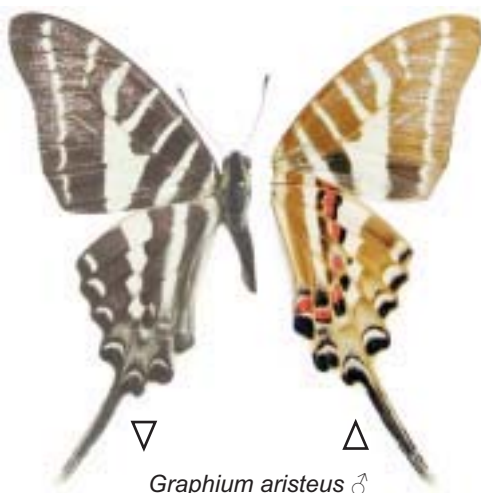
Bướm phượng đuôi kiếm đốm thẳng***Graphium aristeus*** sc 62mm, ct 37mm*Graphium aristeus* ♂

31 - III - 2006, Rừng Quốc phòng

Dễ nhận diện. Cánh sau có đuôi rất dài. Mặt trên màu đen và trắng. Mặt dưới có nền màu nâu nhạt với các vạch màu đen, có các đốm đỏ chạy ở vùng giữa cánh. Loài phụ ở Phú Quốc là *G. aristeus hemocrates*.

Rừng Quốc phòng.

Ghi chú: *G. aristeus* giống với một loài khác là *G. nomius*, được phân biệt bởi vài đặc điểm ở cánh trước. Chưa ghi nhận được loài *G. nomius* tại Phú Quốc.

*Graphium aristeus* ♂

18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm phượng đuôi kiếm xanh

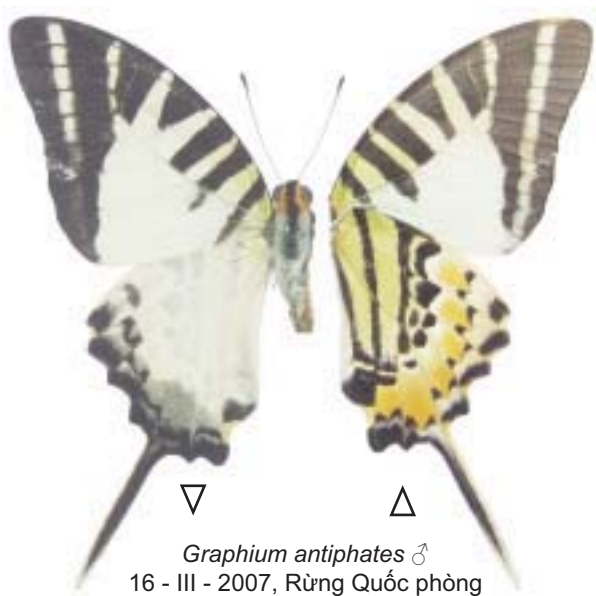
Graphium antiphates sc 66mm, ct 40mm



Graphium antiphates ♂
28 - III - 2006, Rừng Quốc phòng

Dễ dàng nhận diện bởi hai đuôi rất dài, mặt trên có màu trắng với mép cánh có màu đen và các vạch đen ở ô cánh trước, mặt dưới cánh sau có màu xanh lá cây, vàng cam, đen, trắng rất đặc trưng. Loài phụ ở Phú Quốc là *G. antiphates pompilius*.

Gặp với số lượng lớn vào tháng Ba, tháng Tư trong rừng quốc phòng chung với các loài thuộc giống *Graphium* khác.



Graphium antiphates ♂
16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Graphium xenocles ♂
28 - III - 2006, Rừng Quốc phòng

Bướm phượng mạo danh lớn đốm cam***Graphium xenocles*** sc 86mm, ct 45mm

Màu đen với các vạch trắng xanh lớn. Có một đốm cam ở mặt dưới cánh sau. Ở Phú Quốc, loài phụ *G. xenocles lindos* được ghi nhận, phân biệt với loài phụ *G. xenocles kephisos* bởi đốm màu cam ở cánh sau chỉ giới hạn trong ô 1a.

Nơi gặp tương tự như các loài khác trong giống *Graphium*. Gặp với số lượng vào tháng Ba tại ven các con suối nhỏ trong rừng quốc phòng.



Graphium xenocles ♂
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



▽ △
Graphium xenocles ♂
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm phượng mạo danh***Graphium macareus*** sc 70mm, ct 45mm

Kích thước và kiểu màu sắc tương tự *G. xenocles* nhưng các vạch trắng trên cánh nhỏ hơn và mặt dưới cánh sau không có đốm màu cam. Con cái có hai dạng, dạng bình thường giống như con đực, dạng màu nâu (*astyna*) bắt chước kiểu màu sắc của các loài trong giống *Euploea*.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng. Chỉ thu được một mẫu con cái dạng *astyna*, chưa ghi nhận được con đực. Ảnh mẫu vật con đực minh họa thu tại nơi khác. Căn cứ trên mẫu con cái, ở Phú Quốc có lẽ là loài phụ *G. macareus indochinensis*.



Graphium macareus ♀ dạng *astyna*
30 - III - 2006, Eo Xoài



Graphium macareus ♂

30 - V - 2007, Vườn Quốc gia Cát Tiên, tỉnh Đồng Nai



Graphium macareus ♀ dạng *astyna*

30 - III - 2006, Eo Xoài

Bướm phượng mào danh nhỏ***Graphium megarus*** sc 56mm, ct 39mm

G. megarus chung nhóm (giống phụ *Paranticopsis*) với *G. xenocles* nhưng kích thước nhỏ hơn. Được phân biệt bởi phía ngoài ở ô cánh sau là các đốm trắng thay vì vạch trắng.

Chỉ gặp vài cá thể trong rừng quốc phòng vào tháng Ba năm 2006 và 2007, số lượng ít hơn rất nhiều so với *G. xenocles*. Nơi gặp tương tự các loài trong giống *Graphium*. Không thu mẫu.



Graphium megarus ♂
16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Graphium megarus ♀
23 - IV - 2007, Rừng Quốc phòng

Đuôi cụt đốm xanh

Graphium agamemnon sc 70mm, ct 40mm

Nền đen với các đốm xanh lục rải đều khắp cánh. Con cái có đuôi dài hơn và kích thước lớn hơn con đực. Bay rất nhanh, cách bay đặc trưng của giống *Graphium*. Mẫu vật thu được là loài phụ *G. agamemnon agamemnon*.

Phổ biến khắp nơi. Sâu ăn lá các loài cây thuộc họ Na (Annonaceae),



Graphium agamemnon ♂

Tháng VII - 2007, nuôi tại Eo Xoài

Mẫu: Lê Duy Sơn

Đuôi cụt vạch xanh

Graphium sarpedon

sc 70mm, ct 46mm

Rất dễ nhận diện bởi mặt trên cánh màu đen và có một vạch xanh chạy dọc cả hai cánh, cả mặt trên lẫn mặt dưới cánh. Mặt dưới cánh sau có các đốm đỏ.

Ghi chú: Không có sự phân biệt rõ ràng giữa hai loài phụ *G. sarpedon sarpedon* và *G. sarpedon luctatius*.

Rừng Quốc phòng.
Không có mẫu.



Graphium sarpedon ♂

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

Đuôi cụt đốm xanh***Graphium doson*** sc 60mm, ct 36mm

Graphium doson ♂
28 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

G. doson là loài thường gặp nhất trong số ba loài đã biết tại Phú Quốc là *G. doson*, *G. eurypylus*, *G. arycles*. Nhóm bướm này có màu nền màu đen và trên cánh có các đốm xanh lơ. *G. doson* được nhận diện bởi mặt dưới cánh sau, phần gốc cánh, vạch đen ngắn thứ hai không chạm vào vạch đen chạy song song với đáy cánh. Các mẫu vật thu được ở Phú Quốc là loài phụ *G. doson axion*.

Rừng Quốc phòng.



Graphium doson ♂
16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Đuôi cụt đốm xanh chữ Y

Graphium eurypylus sc 64mm, ct 40mm



Graphium eurypylus ♂
28 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Rất giống với *G. doson*, được phân biệt ở mặt dưới cánh sau, vạch đen thứ hai tính từ gốc cánh chạm vào vạch đen dài chạy song song với đáy cánh. Loài phụ ghi nhận được ở Phú Quốc là *G. eurypylus cheronus*.

Thường gặp chung với loài *G. doson* với số lượng nhiều tương tự, khó phân biệt hai loài này.

Rừng Quốc phòng.



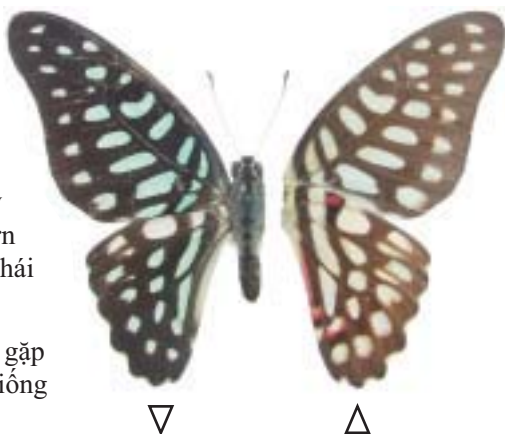
Graphium eurypylus ♂
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Đuôi cụt chấm xanh***Graphium arycles*** sc 62mm, ct 35mm

Graphium arycles ♂
21-III-2007, Rừng Quốc phòng

Cánh nền đen với các đốm xanh lơ nhỏ hơn so với *G. doson* và *G. eurypylus*. Các mẫu vật ở Phú Quốc giống với loài phụ *G. arycles acryleoides*, tuy nhiên các đốm trên cánh lớn hơn so với các mẫu vật ở Thái Lan và Lào.

Rừng Quốc phòng. Hiếm gặp nhất trong số ba loài thuộc giống *Graphium* có đốm xanh dương.



Graphium arycles ♂
21-III-2007, Rừng Quốc phòng

Bướm đuôi rồng trắng

Lamproptera curius sc 33mm, ct 18mm

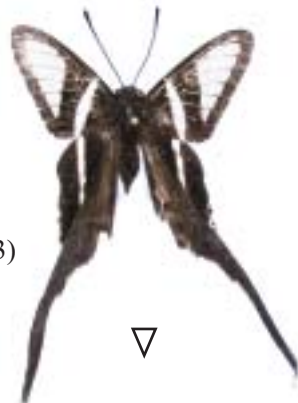


Lamproptera curius ♂

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

Cánh màu đen với các ô cánh ở cánh trước trong suốt tạo thành một vùng trong suốt lớn hình nêm, đuôi rất dài, có một vạch màu trắng chạy ở gần gốc cánh trước và giữa cánh sau. Loài *L. meges* có vạch màu xanh (đến nay chưa ghi nhận được tại Phú Quốc). Monastyrskii (2003) ghi nhận loài phụ *L. curius walkeri* ở Việt Nam. Căn cứ vào hình dạng và vùng phân bố, loài phụ ở Phú Quốc có lẽ là *L. curius curius*.

Rừng Quốc phòng.



Lamproptera curius ♂

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng



Delias hyparete ♂
20 - III - 2007, Eo Xoài



Delias hyparete ♀
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Delias pasithoe ♂
26 - XII - 2007, Hồ Dương Đông

Bướm tầm gửi thường***Delias hyparete*** sc 80mm, ct 42mm

Mặt trên màu trắng, với các gân chính ở cánh trước màu đen. Mặt dưới sậm màu hơn, phần lớn các gân có màu đen, gốc cánh sau có màu vàng, rìa cánh sau viền cam rộng. Con cái có kích thước hơi lớn hơn con đực, chót cánh trước tròn hơn, vùng màu đen và xám ở mặt trên cánh nhiều hơn con đực. Loài phụ ở Phú Quốc là *D. hyparete indica*.

Phân bố rộng, gặp ở nhiều nơi trên đảo Phú Quốc.



Delias hyparete ♂
18 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm tầm gửi gốc đỏ***Delias pasithoe*** sc 67mm, ct 37mm

Mặt trên màu đen với các vệt trắng không rõ mép ở giữa các ô cánh. Ba ô cánh ở đáy cánh sau có màu vàng, vùng gần gốc cánh màu trắng. Mặt dưới cánh trước tương tự cánh trên nhưng các vệt trắng rộng hơn, đặc biệt là ở vùng giữa cánh. Mặt dưới cánh sau có vùng gốc cánh màu đỏ, từ gốc cánh trở ra có màu vàng, cánh viền đen rộng.

Monastyrskii (2003) ghi nhận loài phụ *D. pasithoe nigricens* ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, mẫu vật chúng tôi thu được giống với loài phụ *D. pasithoe siamensis* hơn.

Hồ Dương Đông. Mới ghi nhận được một lần.

Bướm phấn trắng nhỏ***Leptosia nina*** sc 34mm, ct 18mm*Leptosia nina*

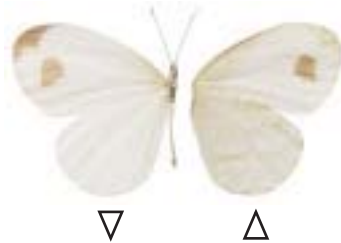
02 - IV - 2006, Eo Xoài

*Leptosia nina*

21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Loài nhỏ nhất trong họ Bướm Phấn ghi nhận được ở Phú Quốc. Cánh tròn và dài. Mặt trên màu trắng với viền cánh đen, giữa cánh trước có một đốm đen lớn. Mặt dưới cánh dạng loang lổ. Cách bay rất đặc trưng, bay sát mặt đất, tương đối chậm, lên xuống theo nhịp đập của cánh, dễ phân biệt. Dù bay chậm nhưng khi đã bay thường phải một lúc lâu sau mới chịu đậu. Loài phụ ghi nhận được ở Phú Quốc là *L. nina nina*.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, Hàm Ninh và nhiều nơi khác. Rất phổ biến vào tháng 12.

*Leptosia nina* ♂

27 - XII - 2007, Hàm Ninh

Bướm mỏng vàng

Cepora iudith sc 55mm, ct 30mm

Cánh tròn đặc trưng cho giống *Cepora*. Mặt trên màu trắng, rìa cánh màu đen, chót cánh trước màu đen lan rộng ra, đáy cánh sau có màu vàng, chạy ra đến tận phần giữa cánh. Mặt dưới cánh sau có màu vàng, viền đen rộng hơn. Bay nhanh, chỉ gặp từng cá thể riêng lẻ. Gặp ở ven bờ suối.

Rừng Quốc phòng.



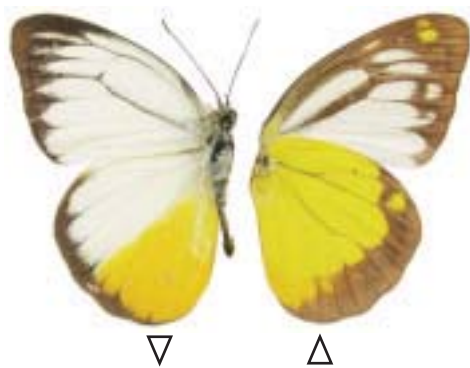
Cepora iudith ♂

18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Cepora iudith ♂

18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Cepora iudith ♂

28 - III - 2006, Rừng Quốc phòng

Hải âu vàng viền đen***Appias lyncida*** sc 50mm, ct 30mm

Mặt trên trắng, rìa cánh viền đen dạng răng cưa. Mặt dưới tương tự loài *C. iudith*, phân biệt bởi chót cánh trước nhọn hơn, đặc trưng của giống *Appias*.

Chi quan sát được tại Núi Tượng.

*Appias lyncida* ♂

02 - XI - 1997. Mã Đà - tỉnh Đồng Nai

Hải âu sọc***Appias libythea*** sc 58mm, ct 30mm

Con đực mặt trên màu trắng với vạch đen chạy dọc gần cánh ở vùng gần rìa cánh. Mặt dưới cánh tương tự mặt trên nhưng vùng vẩy đen chạy gần như dọc hết các gân ở cánh sau. Con cái màu sậm hơn. Loài phụ ở Phú Quốc là *A. libythea olferna*.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, thị trấn Dương Đông. Mẫu con đực do anh Lê Duy Sơn thu tại Eo Xoài.

*Appias libythea* ♂

20 - VII - 2007, Eo Xoài

Mẫu: Lê Duy Sơn

Hải âu trắng***Appias albina*** sc 56mm, ct 27mm

Con đực cả hai mặt màu trắng, chỉ có vùng chót cánh viền đen mỏng. Con cái có viền đen rộng hơn, trông tương tự con đực loài *A. paulina*, nhưng dễ phân biệt nhờ mặt dưới chót cánh trước hơi xanh, phía trong là một đường đen rộng ngoằn ngoèo. Loài phụ ở Phú Quốc là *A. albina darada*.

Eo Xoài. Mẫu vật con cái do anh Lê Duy Sơn thu được là dạng *semiflava*.

*Appias albina* ♀

20 - VII - 2007, Eo Xoài

Mẫu: Lê Duy Sơn

Bướm phần lớn chót cam

Hebomoia glaucippe sc 80mm, ct 48mm

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi



Hebomoia glaucippe ♂
22 - IV - 2007, Rừng Quốc phòng



Hebomoia glaucippe ♂
22 - IV - 2007, Rừng Quốc phòng

Kích thước lớn nhất trong họ Bướm Phần. Dễ dàng nhận diện bởi mặt trên màu trắng và nửa ngoài cánh trước màu cam. Mặt dưới dạng loang lổ, khi đậu trông giống như lá khô. Con cái có viền đen rộng hơn con đực, rìa cánh sau có các đốm đen chạy sát mép. Loài phụ ở Phú Quốc là *H. glaucippe glaucippe*.

Rừng Quốc phòng, Suối Tranh. Mùa khô số lượng ít.



Hebomoia glaucippe ♂
15 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng
Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

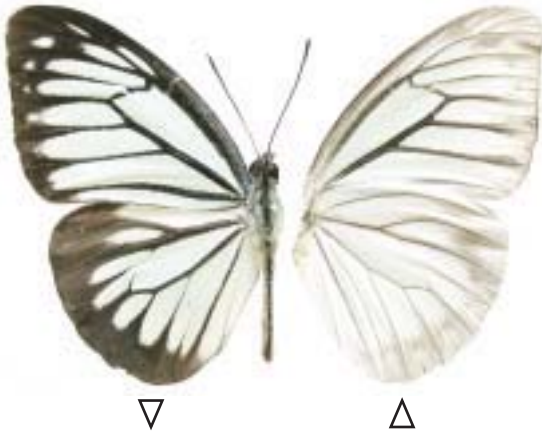
Bướm phấn xanh thường***Pareronia anais*** sc 69mm, ct 37mm

Mặt trên của giống *Pareronia* dễ dàng nhận diện bởi màu xanh dương và viền cánh đen. *P. anais* phân biệt so với các loài khác trong cùng giống này bởi viền đen ở cánh trước rộng hơn và có một hàng chấm trắng chạy sát viền cánh ở vùng gần chót cánh. Con cái của loài này bắt chước các loài *P. aglea* hoặc *P. aspasia* (phụ họ Danainae). Tuy nhiên chưa thu được dạng con cái của *P. anais* ở Phú Quốc.

*Pareronia anais* ♂

28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng

Hàm Ninh, Rừng Quốc phòng.

*Pareronia anais* ♂

28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm phấn cánh trắng-vàng

Catopsilia scylla sc 56mm, ct 32mm

Con đực dễ dàng phân biệt bởi cánh trước có màu trắng viền đen, mặt trên cánh sau có màu vàng và. Con cái viền đen rộng hơn con đực. Loài phụ ghi nhận được ở Phú Quốc là *C. scylla cornelia*. Ở Eo Xoài, loài này được nuôi trên cùng cây chủ với loài *Eurema andersonii*. Ở thị trấn Dương Đông, *C. scylla* được quan sát thấy đẻ trứng trên cây điệp vàng.

Eo Xoài, thị trấn Dương Đông. Các mẫu vật của loài này do anh Lê Duy Sơn thu được tại Eo Xoài.



Catopsilia scylla ♂
Tháng VI - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn



Catopsilia scylla ♀
Tháng VI - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn



Catopsilia pyranthe ♂
14 - VII - 2007, Núi Tượng

Bướm phần di cư chấm đen

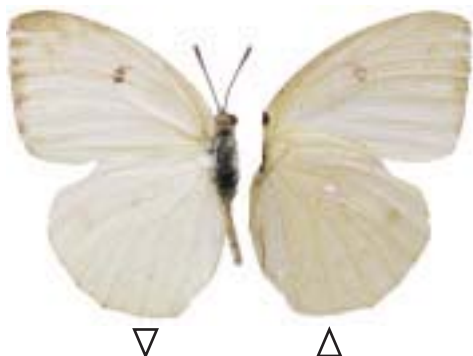
Catopsilia pyranthe sc 52mm, ct 29mm



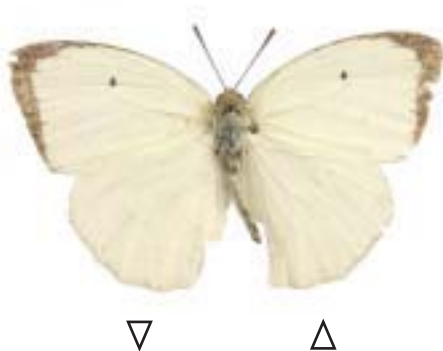
Catopsilia pyranthe ♀
22 - III - 2007, Eo Xoài

Con đực màu xanh trắng, viền cánh trước màu đen khá mảnh, có một đốm đen ở vùng giữa cánh trước. Con cái hơi vàng. Mặt dưới khác hẳn loài *C. pomona* bởi những đốm-vạch màu đen nhỏ chạy đều khắp cánh, tạo thành dạng mắt lưới. Loài phụ ở Phú Quốc là *C. pyranthe pyranthe*.

Gặp gần như khắp nơi. Ảnh mẫu vật con đực thu tại nơi khác.



Catopsilia pyranthe ♀
22 - III - 2007, Eo Xoài



Catopsilia pyranthe ♂
17 - VII - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn

Bướm vàng chanh di cư***Catopsilia pomona*** sc 59mm, ct 32mm

Con đực và cái có nhiều dạng khác nhau. Ở Phú Quốc con đực dạng *pomona*, màu xanh đọt chuối; con cái là dạng *jugurtha*, màu trắng hơi vàng, chỉ có vùng gần gốc cánh là hơi xanh đọt chuối như con đực. Bay nhanh, đôi khi tập trung thành đàn vào mùa khô. Loài phụ ở Phú Quốc là *C. pomona pomona*.

Gặp gần như khắp nơi ở Phú Quốc, dọc các đường nhỏ có cây bụi. Sâu ăn lá cây muồng (chi *Cassia*, họ Fabaceae).



Catopsilia pomona ♀
20 - IV - 2007, Eo Xoài



Catopsilia pomona ♂
26 - III - 2006, Eo Xoài



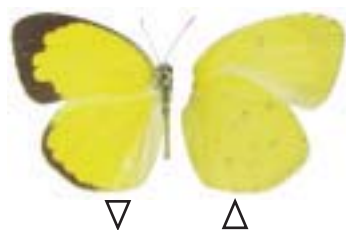
Catopsilia pomona ♀
20 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm phấn vàng hai chấm

Eurema hecabe sc 42mm, ct 21mm

Kích thước nhỏ, màu vàng, cánh viền đen, mặt dưới cánh có các đốm nâu nhỏ, loài này đặc trưng bởi trong ô cánh trước có hai vệt đen nhỏ.

Gần như khắp nơi trên Phú Quốc, ở những nơi có bãi cỏ thấp, nhiều nắng. Để trứng trên các cây thuộc họ đậu (Fabaceae).



Eurema hecabe ♂

16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm phấn vàng một chấm

Eurema andersonii

sc 38mm, ct 20mm

Rất giống với *Eurema hecabe*, phân biệt nhờ mặt dưới cánh chỉ có một vệt đen trong ô cánh trước. Monastyrskii (2003) ghi nhận loài phụ *E. andersonii sadanobui* trên toàn Việt Nam. Tuy nhiên mẫu vật thu được ở Phú Quốc giống với loài phụ *E. andersonii andersonii* hơn.

Rừng Quốc phòng, núi Hàm Rồng.

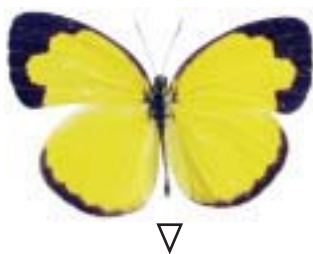
Ghi chú: Hai loài trong giống *Eurema* ghi nhận được tại Phú Quốc gần như không thể phân biệt được bằng cách quan sát.



Eurema hecabe

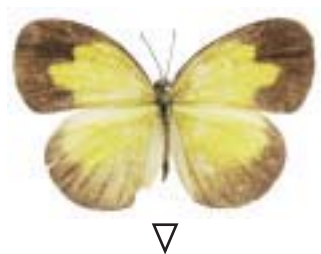
16 - III - 2007, Suối Tranh

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi



Eurema andersonii ♂

16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Eurema andersonii ♀

14 - VII - 2007, Núi Hàm Rồng



Eurema andersonii ♂

21 - III - 2006, Rừng Quốc phòng

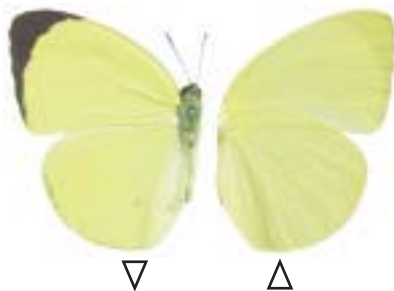
Bướm phấn vàng chanh

Gandaca harina sc 42mm, ct 23mm

Màu vàng chanh, mặt trên cánh trước viền đen mảnh, dày nhất ở vùng chót cánh trước. Mặt dưới cánh màu vàng, không có đốm-vết như ở giống *Eurema*. Loài phụ ghi nhận được ở Phú Quốc là *G. harina burmana*.

Rừng Quốc phòng, Đá Bàn. Gặp nhiều ở ven suối; có số lượng lớn vào tháng Ba.

Ghi chú: *G. harina* tương tự giống *Eurema*, tuy nhiên giống *Eurema* phân bố rộng rãi đến tận khu dân cư, trong khi *G. harina* chủ yếu chỉ gặp trong rừng.



Gandaca harina ♂

20 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Gandaca harina

21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm hổ vằn

Danaus genutia sc 76mm, ct 43mm

Nền cánh màu cam với màu đen chạy dọc gân cánh, có các đốm trắng chạy dọc rìa cánh trước và sau thành hai hàng, vùng dưới chót cánh trước có vài đốm trắng lớn, có các đốm trắng chạy sát bờ trước cánh. Mặt dưới cánh trước tương tự mặt trên, mặt dưới cánh sau nhạt màu hơn mặt trên. Con đực và cái màu sắc giống nhau, nhưng con đực có thêm túi vảy mùi ở cánh sau. Các mẫu vật ghi nhận được ở Phú Quốc là loài phụ *D. genutia genutia*.



Danaus genutia ♀
20 - III - 2007, Eo Xoài

Eo Xoài, Núi Tượng và nhiều nơi khác. Phổ biến vào mùa khô.



Danaus genutia ♀
20 - III - 2007, Núi Tượng



Danaus genutia ♂
22 - III - 2007, Núi Tượng



Danaus genutia ♀
20 - III - 2007, Eo Xoài

Bướm hổ cam trắng

Danaus melanippus sc 70mm, ct 42mm



Danaus melanippus ♂
19 - IV - 2007, Eo Xoài

Cánh trước tương tự loài *D. genutia*, nhưng dễ dàng phân biệt với loài này nhờ mặt trên cánh sau không có màu cam mà chỉ có hai màu trắng và đen, đồng thời kích thước nhỏ hơn.

Eo Xoài, Núi Tượng. Nơi gặp tương tự *D. genutia*. Rất phổ biến vào mùa khô.



Danaus melanippus ♂
22 - III - 2007, Núi Tượng



Danaus melanippus ♀
20 - III - 2007, Eo Xoài

Bướm hổ cam

Danaus chrysippus

Màu cam nhạt hơn so với *D. genutia* và *D. melanippus*. Chót cánh trước màu đen với các đốm trắng. Mặt dưới nhạt màu hơn nhiều so với mặt trên.

Chỉ ghi nhận được một lần tại khu vực Núi Tượng. Ở Phú Quốc, ít gặp nhất trong số ba loài thuộc giống *Danaus* trong thời gian điều tra. Ảnh mẫu vật minh họa là bướm nuôi tại thành phố Hồ Chí Minh.



Danaus chrysippus ♂
10 - VIII - 1997, Tp Hồ Chí Minh

Bướm hổ xanh nền đen

Tirumala septentrionis sc 90mm, ct 49mm

Mặt trên cánh đen với các đốm và vạch xanh dương nhỏ. Mặt dưới giống mặt trên, nhưng cánh sau và chót cánh trước màu nâu. Loài phụ ghi nhận được ở Phú Quốc là *T. septentrionis septentrionis*.

Eo Xoài, Rừng Quốc Phòng, Bãi Thơm. Không phổ biến như loài *I. similis*.

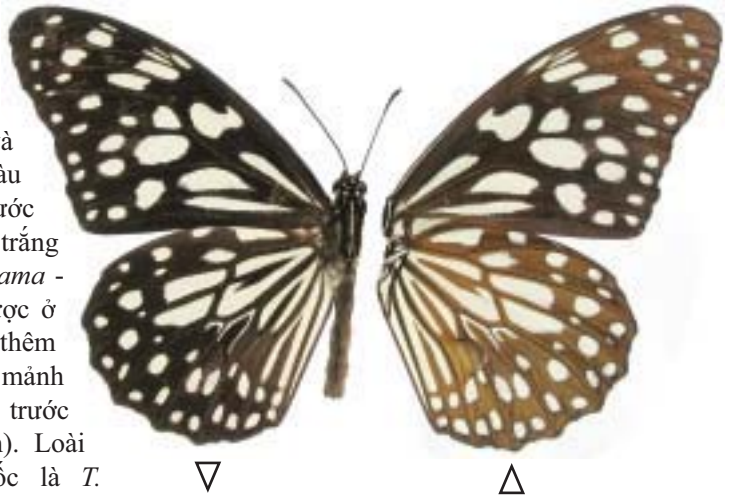


Tirumala septentrionis ♂
19 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm hổ lớn đốm trắng

Tirumala limniace sc 90mm, ct 49mm

Tương tự *T. septentrionis* nhưng các đốm trên cánh lớn hơn rất nhiều và gần như có màu trắng. Ô cánh trước chỉ có một vệt trắng (trong khi *T. gautama* - chưa ghi nhận được ở Phú Quốc - có thêm một vệt trắng rất mảnh trong ô cánh trước chạy sát bờ cánh). Loài phụ ở Phú Quốc là *T. limniace limniace*.



Tirumala limniace ♂

VI - 2007, Eo Xoài. Mẫu: Lê Duy Sơn

Loài này do anh Lê Duy Sơn thu được tại Eo Xoài.

Bướm đốm trắng thân vàng

Parantica aglea sc 73mm, ct 41mm

Kiểu màu sắc tương tự *T. limniace* với các đốm trắng lớn, nhưng kích thước nhỏ hơn nhiều và bụng màu vàng. Con đực có dấu hiệu sinh dục thứ cấp là đám vảy đặc trưng màu đen ở góc ngoài mặt dưới cánh sau. Loài phụ ở Phú Quốc là *P. aglea melanoides*.



Parantica aglea ♀

28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng



Bướm đốm đen vàng

Parantica aspasia sc 65mm, ct 35mm

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi



Parantica aspasia ♀
Tháng IX - 2007, Eo Xoài

Kích thước trung bình. Dễ dàng nhận diện bởi màu vàng ở khu vực gần gốc cánh. Con cái của loài *Pareronia anais* (họ Pieridae) bắt chước loài này cả về kiểu màu sắc lẫn cách bay. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc là loài phụ *P. aspasia aspasia*.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng.



Parantica aspasia ♂
28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm đốm xanh bầu

Ideopsis similis sc 65mm, ct 38mm



Ideopsis similis ♂
22 - III - 2007, Eo Xoài

Mặt trên cánh có các đốm xanh trắng, cánh trước nền đen, cánh sau nền nâu sậm. Các đốm ở vùng giữa và rìa cánh trước dạng hơi tròn góc, không kéo dài dạng tam giác như ở loài *I. vulgaris*. Mặt dưới tương tự mặt trên. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc là loài phụ *I. similis persimilis*.

Gặp khắp nơi ở Phú Quốc, rất phổ biến vào mùa khô.

Bướm đốm xanh

Ideopsis vulgaris sc 74mm, ct 42mm

Rất giống với *I. similis* nhưng ở con đực chót cánh trước hơi uốn ra ngoài, rìa cánh trước hơi lõm vào, các đốm ở vùng giữa và rìa cánh trước kéo dài và có dạng tam giác. Loài phụ ở Phú Quốc là *I. vulgaris macrina*.

Eo Xoài. Tại Phú Quốc, loài này rất ít gặp so với loài *I. similis*.



Ideopsis similis ♂
18 - III - 2007, Eo Xoài



Ideopsis vulgaris ♂
18 - III - 2007, Eo Xoài



Ideopsis similis ♀
20 - III - 2007, Eo Xoài



Ideopsis vulgaris ♀
21 - III - 2007, Eo Xoài

Bướm quạ tím gốc

Euploea camaralzeman sc 90mm, ct 45mm

Loài này đặc trưng bởi vùng ánh tím ở mặt trên cánh trước chạy từ gốc cánh ra và không chạm đến rìa cánh. Con đực không có dấu hiệu sinh dục thứ cấp ở mặt trên cánh trước. Các mẫu vật thu được ở Phú Quốc là loài phụ *C. camaralzeman camaralzeman*.

Eo Xoài, Rừng quốc phòng.



Euploea camaralzeman ♀
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



▽ △
Euploea camaralzeman ♂
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



▽ △
Euploea camaralzeman ♀
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm quạ tím gốc nhỏ

Euploea modesta sc 76mm, ct 44mm **male** sc 67mm, ct 39mm

Màu sắc tương tự *E. camaralzeman* nhưng kích thước nhỏ hơn nhiều. Con đực có góc ngoài cánh trước lõm vào và đáy cánh vòng xuống rất sâu.

Rừng quốc phòng.



Euploea modesta ♂

28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng



Euploea modesta ♀

20 - IV - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm quạ cánh tím

Euploea algea sc 92mm, ct 53mm

Ở loài này, vùng màu tím nhạt trên cánh trước chiếm gần như toàn bộ cánh, chạy đến gần sát rìa cánh. Dấu hiệu sinh dục thứ cấp ở cánh trước con đực rất lớn. Loài phụ ở Phú Quốc là *E. algea limborgii*.

Rừng Quốc phòng.



Euploea algea ♂

20 - IV - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm đốm tím ba đốm

Euploea midamus

sc 88mm, ct 51mm

Phần giữa cánh trước có vài đốm ánh xanh, dấu hiệu sinh dục thứ cấp rộng nhưng ngắn hơn nhiều so với loài *E. algea*. Đáy cánh trước của con đực vòng xuống rất rõ so với các loài khác trong giống này. Mẫu vật thu được giống với loài phụ *E. midamus chloe*.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng.



Euploea midamus ♂

18 - IV - 2007, Rừng Quốc phòng



Euploea midamus ♀

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm quạ nâu đỏm

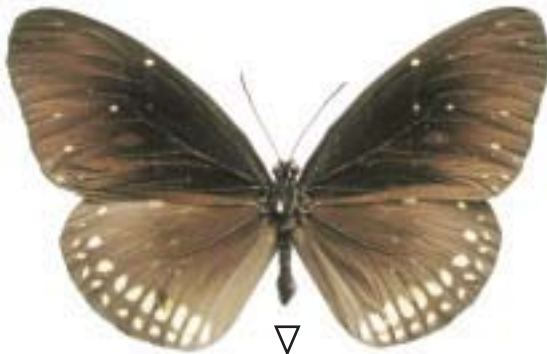
Euploea core layardi sc 80mm, ct 46mm

Đây là lần đầu tiên loài phụ *E. core layardi* được ghi nhận tại Việt Nam. Loài phụ này phân biệt với loài phụ *E. core godartii*, rất phổ biến ở nhiều khu vực khác, bởi chót cánh trước không phớt bạc và không có ánh tím, dấu hiệu sinh dục thứ cấp trên cánh trước con đực nhỏ. Có vài dạng khác nhau ở Phú Quốc.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, Đá Bàn. Phổ biến vào mùa khô.



Euploea core layardi ♂
17 - IV - 2007, Eo Xoài



Euploea core layardi ♀
26 - XII - 2007, Đá Bàn



Euploea core layardi ♂
18 - IV - 2007, Eo Xoài



Euploea core layardi ♂
17 - IV - 2007, Eo Xoài



Euploea core layardi ♀
26 - XII - 2007, Đá Bàn

Bướm quạ nâu tuyến nhỏ

Euploea eyndhovii sc 75mm, ct 45mm



Euploea doubledayi ♂
22 - III - 2007, Suối Cái



Euploea eyndhovii ♀
18 - III - 2007, rừng Quốc phòng

Cánh trước màu nâu tuyền, sậm gần như đen. Ở con đực, dấu hiệu sinh dục thứ cấp ở cánh trước nhỏ. Cánh sau màu nâu, phần gốc cánh sậm màu, có hai hàng chấm trắng chạy dọc mép cánh, hàng phía trong kéo dài thành vệt. Con cái nhạt màu hơn con đực.

Eo Xoài, Rừng quốc phòng. Gặp ở ven đường mòn hoặc dưới tán rừng gỗ tái sinh, nơi có cây gỗ nhỏ mọc không dày. Phổ biến ở nhiều nơi khác vào mùa khô.

Ghi chú: Loài *E. doubledayi* rất giống với *E. eyndhovii*, chỉ có điều kích thước hơi lớn hơn, và ở con cái loài này có các chấm trắng trên cánh trước. Chưa ghi nhận được *E. doubledayi* tại Phú Quốc.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng.



Euploea eyndhovii ♂
22 - III - 2007, Núi Tượng



Euploea eyndhovii ♀
18 - III - 2007, rừng Quốc phòng



Euploea eyndhovii ♂
20 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm nâu đốm trắng

Euploea crameri sc 77mm, ct 45mm

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi



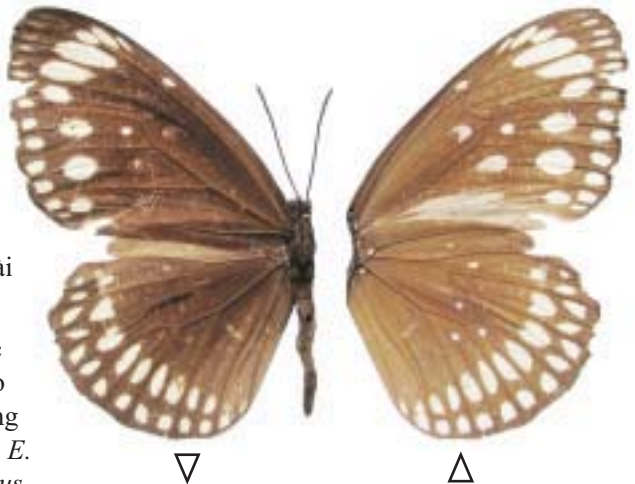
Euploea crameri
20 - VI - 2006, Eo Xoài



Euploea crameri ♀
23 - III - 2007, Eo Xoài

Kiểu màu sắc tương tự loài *E. core*, tuy nhiên có các đốm trắng lớn ở vùng gần chót cánh, các đốm trắng chạy dọc mép hai cánh khá đều nhau và tương đối tròn. Mẫu vật thu được giống với loài phụ *E. crameri bremeri*.

Eo Xoài, Rừng quốc phòng. Ở Phú Quốc vào mùa khô loài này không phổ biến như các loài *E. mulciber* và *E. radamanthus*.



Euploea crameri ♀
23 - III - 2007, Eo Xoài

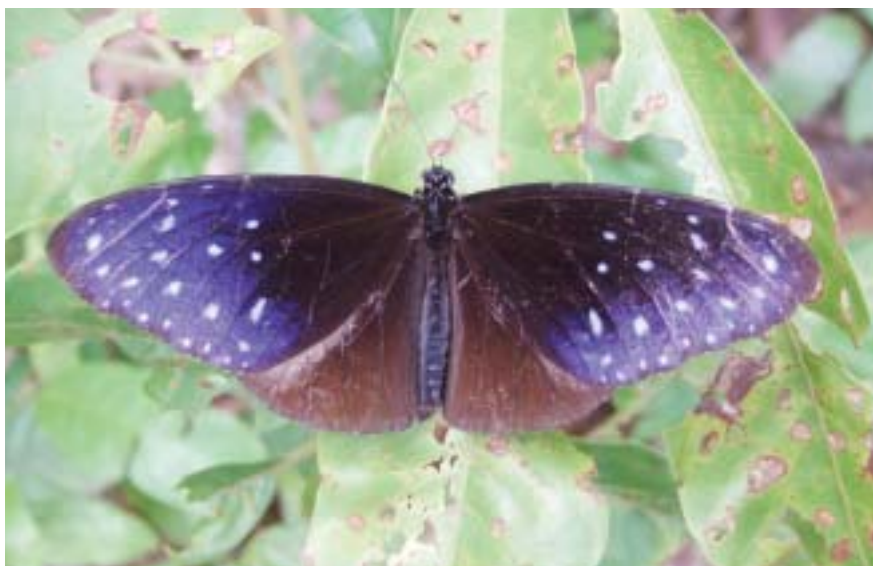
Bướm quạ đốm tím thường***Euploea mulciber*** sc 83mm, ct 45mm

Lưỡng hình. Con đực màu nâu đen, phần lớn mặt trên cánh trước có màu tím óng ánh, ở giữa có các đốm trắng viền tím. Con cái màu nền đen với các vạch mảnh chạy khắp cánh sau và gốc cánh trước, vùng từ giữa cánh trước ra chót cánh có các đốm trắng ở vị trí tương tự con đực, mặt trên cánh trước chỉ hơi ánh tím ở vùng giữa. Các mẫu vật ở Phú Quốc là loài phụ *E. mulciber mulciber*.

*Euploea mulciber* ♂

17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Eo Xoài, Núi Tượng, Rừng Quốc phòng và nhiều nơi khác.

*Euploea mulciber* ♂

17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Euploea mulciber ♀
16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Euploea mulciber ♀
16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Euploea mulciber ♂
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Euploea mulciber ♀
21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Euploea mulciber ♂
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Euploea mulciber ♀
21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm quạ nâu đốm lớn

Euploea phaenareta sc 108mm, ct 69mm

Kích thước rất lớn, lớn nhất trong số các loài thuộc giống *Euploea* đã ghi nhận được tại Phú Quốc. Mặt trên cánh màu nâu, có các đốm trắng khá đều chạy từ vùng chót cánh vào đến vùng gần giữa cánh và dọc mép cánh, ở cánh sau, các đốm trắng chạy dọc mép cánh rất nhỏ. Những cá thể mới nở mặt trên cánh hơi ánh tím ở vùng gần chót cánh trước và góc ngoài cánh sau. Tuy nhiên ánh tím này không còn thấy ở những cá thể bay một thời gian ngắn sau đó. Ở Phú Quốc, loài này được nuôi thành công trên cây mướp xác tâm hương (///). Mẫu vật ở Phú Quốc là loài phụ *E. phaenareta castelnaui*.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng. Rất nhiều vào tháng Ba, tháng Tư. Có lẽ cũng phổ biến ở nhiều nơi gặp các loài thuộc giống *Euploea* khác.



Euploea phaenareta ♂
18 - IV - 2007, nuôi tại Eo Xoài



Trứng và sâu của *Euploea phaenareta* tại Eo Xoài



Euploea phaenareta ♂, nuôi tại Eo Xoài



Euploea phaenareta ♀, nuôi tại Eo Xoài

Bướm quạ khoang

Euploea radamanthus sc 80mm, ct 42mm

Dễ dàng nhận diện bởi kiểu màu sắc rất đặc trưng. Con cái dạng *isa* của loài *Euripus nyctelius* (họ bướm Giáp) (trang //) và dạng *aegialus* của loài *Papilio paradoxa* bắt chước loài này. Tuy nhiên loài *P. paradoxa* chưa ghi nhận được ở Phú Quốc. Có thể phân biệt các loài bắt chước này nhờ hình dạng cánh và kích thước khác hẳn loài *E. radamanthus*. Mẫu vật ghi nhận được ở Phú Quốc là loài phụ *E. radamanthus radamanthus*.

Phổ biến gần như khắp nơi với số lượng rất lớn vào mùa khô (tháng Ba, tháng Tư), hiếm gặp hơn nhiều vào tháng Bảy.



Euploea radamanthus ♂
20 - IV - 2007, Eo Xoài



Euploea radamanthus ♂
20 - IV - 2007, Eo Xoài



Euploea radamanthus ♀
21 - III - 2007, Eo Xoài

Bướm hung nhãn lồng

Acraea violae sc 50mm, ct 28mm

Kích thước tương đối nhỏ, cánh hẹp và tròn, có màu cam, cánh trước có các đốm đen, cánh sau viền cánh đen và có các đốm cam chen ở giữa. Con cái xin màu hơn con đực.

Eo Xoài, Bãi Thơm. Sâu đã được anh Lê Duy Sơn thu và nuôi vào tháng Tư năm 2007. Phân bố khắp những khu vực trảng trống, rừng thứ sinh trên Phú Quốc. Ở Phú Quốc, chỉ gặp

với số lượng rất ít trong thời gian điều tra. Không thu mẫu. Ảnh mẫu vật minh họa là bướm nuôi tại thành phố Hồ Chí Minh.



Acraea violae ♂
tháng VIII - 1997

Nuôi tại Thành phố Hồ Chí Minh

Bướm thầu dầu thường

? *Ariadne ariadne*

Loài này có cánh màu cam nâu với các đường vân đen mảnh chạy ngoằn ngoèo trên cánh. Mặt trên cánh trước có một chấm trắng gần sát chót cánh. Cánh mỏng.

Chỉ quan sát được ở Rạch Tràm và một con sâu được ghi nhận ở Eo Xoài. Theo hình dạng thì đây là loài *A. ariadne*.



Sâu của *Ariadne ariadne*
11 - VII - 2007, Eo Xoài

Bướm giáp cánh ren vạch trắng

Cethosia cyane sc 70mm, ct 41mm

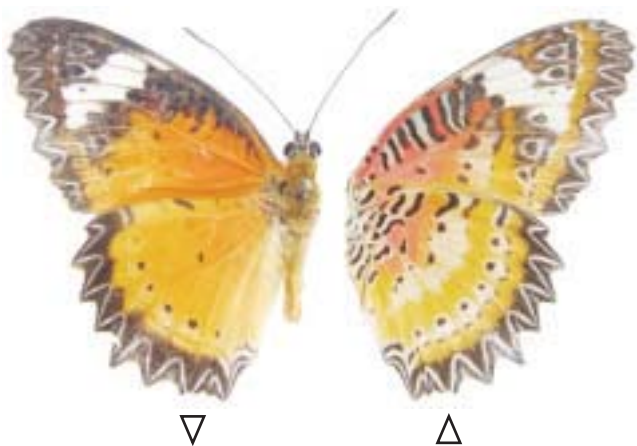
Màu cam, chót cánh trước đen, có một vạch trắng bao gồm năm đốm trắng xếp liền nhau ở vùng dưới chót cánh. Mép cánh đen và có dạng răng cưa rõ rệt. Con cái nhạt màu hơn con đực.

Rừng Quốc phòng, Eo Xoài. Sâu được anh Lê Duy Sơn nuôi trên dây nhãn lồng. Ít khi gặp với số lượng nhiều.



Cethosia cyane ♂

28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng



Cethosia cyane ♂

15 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Cupha erymanthis, con đực (xoè cánh) đang vờn con cái.
23 - III - 2007, Eo Xoài

Bướm giáp nâu vàng cánh tròn

Cupha erymanthis sc 50mm, ct 28mm



Cupha erymanthis
23 - VII - 2007, Eo Xoài



Cupha erymanthis
11 - VII - 2007, Eo Xoài

Giống *Cupha* chỉ có một loài. *C. erymanthis* không thể nhầm lẫn với màu sắc rất dễ nhận diện và cánh tương đối tròn. Thường rất ít khi quan sát thấy loài này đậu yên một lúc lâu. Con đực và cái giống nhau. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc giống với loài phụ *C. erymanthis lotis*.

Gặp gần như khắp mọi nơi, tuy nhiên phổ biến hơn ở những nơi có cây gỗ nhỏ hoặc cây bụi cao. Rất phổ biến ở khu vực Eo Xoài.



▽ △
Cupha erymanthis ♂
22 - III - 2007, Núi Tượng

Bướm giáp báo thường

Phalanta phalanta sc 47mm, ct 27mm

Màu cam sáng với các đốm đen rải đều khắp cánh, dễ nhận diện. Mặt dưới cánh sáng màu hơn. Bay nhanh. Con đực và cái giống nhau.

Eo Xoài.



Phalanta phalanta ♂

19 - IV - 2007, Eo Xoài. Mẫu: Lê Duy Sơn



Phalanta phalanta

19 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm nâu lang thang đuôi cụt

Vagrans egista sc 56mm, ct 33mm

Dễ nhận diện bởi một đuôi ngắn ở cánh sau, màu sắc đặc trưng cho tộc Vagrantiti và cách bay rất nhanh. Loài phụ ở Phú Quốc là *V. egista sinha*.

Rừng Quốc phòng, Đá Bàn.



Vagrans egista ♂

28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng



Vagrans egista

28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm giáp cam lớn ba đốm mắt***Vindula dejone*** sc 84mm, ct 47mm

Kích thước lớn, dễ nhận diện. Màu nền cánh cam với các vân đen chạy dọc rìa cánh. Loài phụ ở Phú Quốc là *V. dejone erotella*. Thường gặp ở ven bờ suối hoặc những chỗ ẩm ven các đường mòn, nơi có nắng để hút chất khoáng.

Rừng Quốc phòng, An Thới. Chưa thu được mẫu.

Ghi chú: Hầu như không thể phân biệt *V. dejone* với *V. erota* bằng cách quan sát. *V. erota* chưa ghi nhận được ở Phú Quốc. Ở mặt trên cánh của *V. dejone*, góc ngoài cánh sau có hai đốm mắt (*V. erota* chỉ có một), đường sậm màu chạy giữa cánh trước tương đối thẳng (nguồn nghèo ở *V. erota*).



Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Vindula dejone ♂
Tháng X - 2007, An Thới

Bướm tím lang thang thường

Terinos terpander sc 58mm, ct 31mm

Mặt trên cánh màu tím, viền cánh nâu vàng. Con đực có đám vảy màu đen lớn ở mặt trên cánh trước. Các mẫu vật thu được ở Phú Quốc giống với loài phụ *T. terpander intermedia*.

Rừng Quốc phòng, Rừng giống, Rạch tràm, Hàm Ninh. Cũng gặp ở nhiều nơi khác. Rất nhiều vào tháng Tư.



Terinos terpander ♀
13 - VII - 2007, Rạch Tràm



Terinos terpander ♂
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Terinos terpander ♂
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Terinos terpander ♀
24 - IV - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm hoa đuôi công

Junonia almana sc 50mm, ct 29mm

Dễ dàng nhận diện. Có hai dạng theo mùa. Dạng mùa mưa có chót cánh trước không nhô ra nhiều và các đốm mắt mặt dưới cánh rõ rệt. Dạng mùa khô có đốm mắt mặt dưới cánh tiêu giảm và biến đổi hình dạng trông như cái lá khô, chót cánh trước nhô ra.

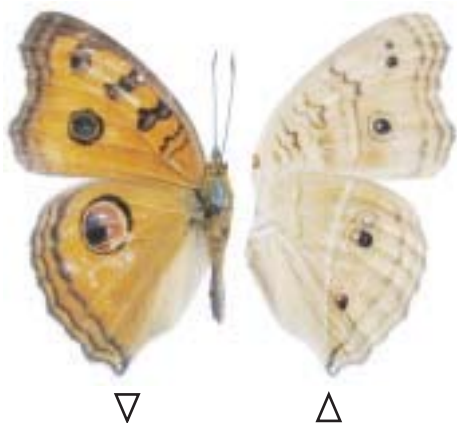
Phổ biến khắp nơi, thường gặp ven các đường mòn vào tháng Ba.



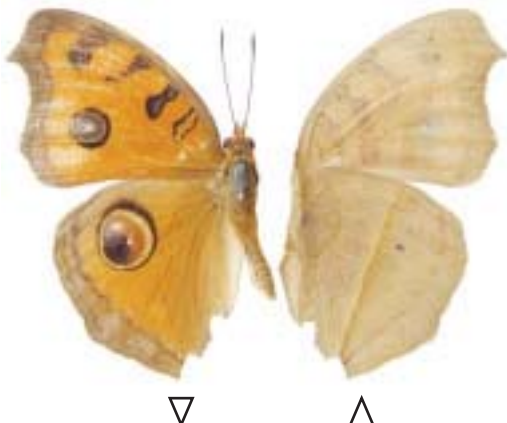
Junonia almana ♂
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Junonia almana
29 - III - 2006, Rừng giống



Junonia almana ♂, dạng mùa mưa
29 - III - 2007, Rừng Giống



Junonia almana ♂, dạng mùa khô
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm hoa xám trắng

Junonia atlites sc 55mm, ct 31mm



Junonia atlites ♂
31 - III - 2006, đường đi Ghềnh Dầu

Rất dễ phân biệt với màu xám trắng và các đốm mắt nửa đen nửa đỏ ở trên cánh. Dạng mùa khô mặt dưới cánh gần như có màu trắng. Dạng mùa mưa có các đốm mắt rõ ràng hơn.

Phổ biến khắp nơi, rất nhiều vào tháng Ba ở ven các đường mòn trong rừng, gặp chung với loài *J. almana*.



Junonia atlites ♂
20 - III - 2007, Eo Xoài



Junonia atlites
19 - III - 2007, Rừng Giồng

Bướm hoa nâu

Junonia lemonias

sc 45mm, ct 27mm

Dễ dàng nhận diện và không thể nhầm lẫn. Dạng mùa khô có mặt dưới cánh sáng màu hơn, gần tiếp với màu lá khô.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, Đá bàn.
Không nhiều như hai loài *J. almana* và *J. atlites*.



Junonia lemonias ♂
18 - IV - 2007, Eo Xoài



Junonia lemonias
20 - IV - 2006, Eo Xoài



Junonia lemonias ♂
18 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm hoa tím

Junonia orithya sc 55mm, ct 27mm

Dễ dàng nhận diện và không thể nhầm lẫn.

Eo Xoài. Mẫu do anh Lê Duy Sơn thu được.

Ghi chú: *J. orithya* là loài phổ biến ở nhiều nơi khắp Việt Nam nhưng thường chỉ xuất hiện nhiều theo mùa.



Junonia orithya ♀
2 - IX - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn

Bướm giáp nâu sôcôla

Junonia iphita sc 57mm, ct 32mm



Junonia iphita ♀
23 - III - 2007, Eo Xoài



Junonia iphita
22 - III - 2007, Núi Tượng

Dễ dàng nhận diện bởi màu nâu sậm với các viền sáng màu hơn ở mặt trên cánh. Mặt dưới cánh sậm màu, đôi khi có một hai đốm trắng ở gần bờ trước cánh sau. Con cái nhạt màu hơn con đực, khiến cho các vết sậm màu ở mặt trên cánh rõ rệt hơn.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, Đá Bàn. Phổ biến khắp nơi nhưng không gặp với số lượng nhiều như *J. almana* và *J. atlites*.



▽ △
Junonia iphita ♀
23 - III - 2007, Eo Xoài

Bướm giáp đen thường 4 đốm

Hypolimnas bolina sc 84mm, ct 42mm



Hypolimnas bolina ♂
23 - III - 2007, Eo Xoài

Con đực mặt trên cánh màu đen. Cánh trước và sau có một đốm trắng lớn, viền ánh tím thay đổi tùy theo góc nhìn. Con cái kích thước lớn hơn; màu nâu, vùng gần giữa cánh trước có màu tím, có các đốm trắng nhỏ chạy dọc mép cánh, mặt trên chỉ có các chấm trắng chạy dọc rìa cánh. Các mẫu vật thu được ở Phú Quốc là loài phụ *H. bolina jacintha*.

Eo Xoài, Núi Tượng. Phổ biến khắp nơi ở Phú Quốc nhưng thường chỉ gặp từng cá thể đơn lẻ.



Hypolimnas bolina ♀
23 - III - 2007, Eo Xoài



Hypolimnas bolina ♀
26 - III - 2006, Eo Xoài



▽ △
Hypolimnas bolina ♂
22 - III - 2007, Núi Tượng

Bướm lá cam thường

Doleschallia bisaltide sc 68mm, ct 38mm



Doleschallia bisaltide ♀
31 - III - 2006, đường đi Ghềnh Dầu



▽

△

Doleschallia bisaltide ♀
11 - VII - 2007, Eo Xoài

Mặt dưới khi đậu có dạng cái lá bị héo, hầu như mỗi cá thể có một kiểu mặt dưới cánh khác nhau. Mặt trên màu cam, chót cánh đen, có một vạch màu cam rộng giữa. Ở Phú Quốc loài phụ *D. bisaltide siamensis* được ghi nhận. Bay rất nhanh. Thường thấy đậu ở mặt dưới lá cây.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, Bãi Thơm.



Doleschallia bisaltide ♀
31 - III - 2006, đường đi Ghềnh Dầu

Bướm lá vạch cam chót tù

Kallima limborgii sc 70mm, ct 40mm

Mặt dưới khi đậu xếp cánh trông giống như cái lá héo. Mặt trên từ gốc cánh ra có màu xanh dương, gần chót cánh có một vạch xiên màu cam rất lớn, chót cánh trước đen. Con cái lớn hơn (sc 90mm, ct 55mm) và chót cánh trước kéo dài hơn con đực.

K. limborgii lần đầu tiên được ghi nhận tại Việt Nam.

Rừng Quốc phòng.

Ghi chú: *K. limborgii* phân biệt với *K. inachus* bởi chót cánh trước của con đực loài này không nhọn ra như ở *K. inachus*. Mẫu bướm cái thu được ở Phú Quốc có chót cánh trước không kéo dài như con cái của loài *K. inachus* nhưng dài hơn so với mẫu vật ở Malaysia (Igarashi & Fukuda, 1997). Đồng thời Pinratana (1996) cho rằng không biết hai loài này có lai với nhau hay không. Do vậy, căn cứ trên các mô tả và mẫu vật thu được ở Phú Quốc, chúng tôi vẫn cho rằng đây là loài *K. limborgii*, ghi nhận lần đầu tiên tại Việt Nam.



Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Kallima limborgii ♂

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng



Kallima limborgii ♂

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng



Kallima limborgii ♂
20 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng



Kallima limborgii ♀
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm lượn băng trắng thường

Netis hylas sc 46mm, ct 25mm

Cánh hẹp, mặt trên màu đen với các băng ngang màu trắng. Mặt dưới có nền màu vàng cam. Đây là loài phổ biến nhất trong giống này và phân bố rất rộng.

Eo Xoài, Núi Tượng. Cũng gặp ở nhiều nơi khác trên Phú Quốc nhưng chỉ thấy từng cá thể.

Ghi chú: Giống *Neptis* gồm nhiều loài khó phân biệt qua hình thái ngoài hoặc ảnh chụp. Có thể còn những loài khác trong giống này ở Phú Quốc.



Neptis hylas ♂

22 - VII - 2007, Núi Tượng



Neptis hylas

06 - IV - 2007, Eo Xoài

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi



Pantoporia hordonia ♂

22 - IV - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm lượn băng cam thường

Pantoporia hordonia sc 40mm, ct 22mm

Nền đen với các băng cam. Mặt dưới dạng loang lổ màu nâu, vàng đen. Thường gặp nhất trong giống *Pantoporia*. Nhận diện bởi đường viền màu xám chạy sát rìa cánh trước rộng hơn đường viền màu cam phía ngoài.

Rừng Quốc phòng. Số lượng ít.



Pantoporia sandaka ♂

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm lượn băng cam viền hẹp

Pantoporia sandaka sc 45mm, ct 22mm

Phân biệt với *P. hordonia* bởi đường viền màu xám chạy sát rìa cánh trước hẹp hơn đường viền màu cam phía ngoài. Rất khó phân biệt bằng cách quan sát.

Rừng Quốc phòng. Số lượng ít.



Pantoporia paraka ♂

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm lượn băng cam

Pantoporia paraka sc 39mm, ct 21mm

Đễ dàng phân biệt với hai loài trước nhờ mặt dưới cánh màu vàng cam và không loang lổ, hai đường viền chạy sát rìa cánh trước đều có màu cam.

Rừng Quốc phòng. Số lượng ít.



Pantoporia sandaka

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm băng trắng bốn đốm

Athyma perius sc 50mm, ct 30mm

Kiểu màu sắc tương tự giống *Neptis*, tuy nhiên cánh rộng hơn, thân to hơn và bay nhanh hơn. Loài *A. perius* có thể nhận diện bởi ba đốm trắng chạy trong ô cánh trước và một đốm liền theo đó ở ngoài ô cánh. Mặt dưới cánh có màu nền nâu gạch, các đốm trắng tương tự mặt trên. Phía trên ngực và bụng có những sọc trắng chạy ngang rõ rệt. Loài phụ ở Phú Quốc là *A. perius perius*.



Athyma perius

22 - III - 2007, Hạc Kiềm lâm Cầu Trắng

Eo Xoài, Suối Cái, Rừng quốc phòng. Thường gặp ở những chỗ có cây bụi ven đường mòn. Phổ biến.



Athyma perius ♂

19 - III - 2007, Eo Xoài



Athyma perius

22 - III - 2007, Hạt Kiềm lâm Cầu Trắng

Bướm băng trắng nhỏ vạch liền

Athyma pravara sc 43mm, ct 25mm

Kích thước nhỏ hơn *A. perius*. Chỉ có một vạch màu trắng mảnh và liền chạy từ gốc cánh ra đến ngoài ô cánh trước. Mặt dưới cánh màu nâu nhạt. Ô cánh hở. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc giống với loài phụ *A. pravara indosinica*.

Hàm Ninh, Rừng Quốc phòng. Chỉ gặp từng cá thể riêng lẻ.



Athyma pravara ♂

21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Athyma pravara

19 - III - 2007, Rừng Giồng

Bướm băng cam cánh rộng

Athyma nefte sc 57mm, ct 34mm

Là loài lưỡng hình. Con đực màu đen với các đốm và vạch trắng, chót cánh trước có một đốm cam không rõ mép. Con cái có các vạch màu cam sáng thay vì màu trắng như con đực và có kích thước lớn hơn. Có một vạch trắng ở mặt trên bụng.

Ghi chú: mẫu bướm đực thu được có mép các đốm trắng trên cánh trước lem rộng ra hơn nhiều so với loài phụ *A. nefte asita* và *A. nefte nefte*. Đây có thể là sự thay đổi theo mùa hoặc cũng có thể là một loài phụ khác.

Eo Xoài, Đá Bàn.



Athyma nefte ♂
2 - IX - 2007, Đá Bàn
Mẫu: Lê Duy Sơn



Athyma nefte ♀
18 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm giáp vằn cánh cụp

Parthenos sylvia sc 78mm, ct 45mm

Kích thước lớn và không thể nhầm lẫn. Giống *Parthenos* chỉ có một loài với nhiều loài phụ khác nhau. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc giống với loài phụ *P. sylvia gambrisius*.

Đá Bàn, Rừng Quốc phòng. Gặp nhiều vào tháng Bảy tại Đá Bàn.



Parthenos sylvia ♂
15 - VII - 2007, Đá Bàn



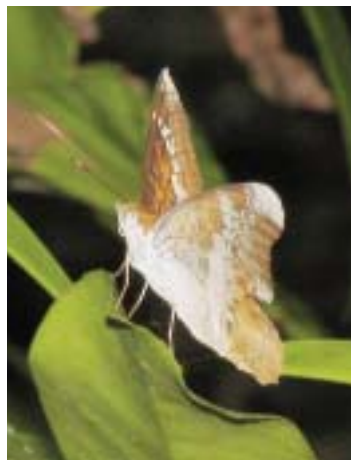
Parthenos sylvia ♂
15 - VII - 2007, Đá Bàn

Bướm giáp cam chót bạc

Lebadea martha sc 48mm, ct 30mm



Lebadea martha ♂
26 - III - 2006, Eo Xoài



Lebadea martha ♂
02 - IV - 2006, Eo Xoài

Giống *Lebadea* chỉ có một loài. *L. martha* có cánh hẹp, màu cam, có một băng trắng tạo bởi các đốm chạy dọc cả hai cánh, chót cánh trước hơi uốn cong ra ngoài. Con đực chót cánh phớt bạc và vạch trắng chạy giữa cánh nhỏ hơn con cái, chót cánh trước nhô ra nhiều hơn con cái. Mặt dưới màu bạc bạc. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc giống với loài phụ *L. martha martha*.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, Rạch trà, An Thới.



Lebadea martha ♂
2 - VIII - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn

Bướm nâu đỏ đốm trắng

Moduza procris sc 56mm, ct 34mm

Kiểu màu sắc tương tự *L. martha*, tuy nhiên màu nền nâu cam sậm hơn và vạch trắng chạy dọc hai cánh rộng hơn.

Bãi Thom, Rừng Quốc phòng. Chỉ gặp từng cá thể riêng lẻ, không bao giờ gặp với số lượng lớn. Không có mẫu thu tại Phú Quốc.



Moduza procris

31 - III - 2006, đường đi Ghềnh Dầu

Bướm giáp cam

Pandita sinope sc 55mm, ct 30mm

Loài này dễ dàng nhận diện vì không nhầm lẫn với loài nào khác. Thường gặp ven các đường mòn. Bay nhanh.

Rừng Quốc phòng.

Ghi chú: *P. sinope* lần đầu tiên được ghi nhận ở Việt Nam bởi tác giả tại Vườn Quốc gia Cát Tiên năm 1999. Đây là lần thứ hai loài này được ghi nhận tại Việt Nam. Hiếm. Ghi nhận được tại Phú Quốc từ một ảnh chụp của anh Nguyễn Vũ Khôi.



Pandita sinope

27 - XI - 2007, Rừng Quốc phòng

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Bướm giáp đuôi xanh

Tanaecia julii sc 62mm, ct 30mm

Con đực rất dễ nhận biết bởi mặt trên cánh màu nâu, rìa cánh sau có một băng rộng màu xanh lơ, mặt dưới màu nâu sáng pha xanh, nâu với các đốm và vết đen khắp cánh. Con cái màu nâu, có hai đốm trắng bị lem ở gần chót cánh. Căn cứ trên con cái thì loài phụ ở Phú Quốc là *T. julii odilina*.

Rất phổ biến ở Eo Xoài, Rừng Quốc phòng. Có lẽ phổ biến ở cả những nơi khác có sinh cảnh tương tự (rừng gỗ nhỏ, cây gỗ tái sinh, có khoảng trống).



Tanaecia julii ♂

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng



Tanaecia julii ♂

30 - III - 2006, Eo Xoài



Tanaecia julii ♀

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi



Tanaecia julii ♀
30 - III - 2006, Eo Xoài

Bướm giáp cánh liềm đuôi xám

Tanaecia lepidea sc 55mm, ct 31mm



Tanaecia lepidea ♀
11 - VII - 2007, Eo Xoài



Tanaecia lepidea ♀
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Con đực màu nâu, rìa cánh viền cam bạc hơi vàng sậm, chót cánh trước uốn cong ra rõ rệt. Con cái tương tự con đực nhưng kích thước lớn hơn và có các đốm trắng ở giữa cánh trước. Mặt dưới màu bạc, ngả dần sang màu nâu về phía chót cánh trước. Căn cứ trên các đốm trắng ở cánh trước của con cái thì ở Phú Quốc là loài phụ *T. lepidea cognata*.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng. Sinh cảnh gặp tương tự như loài *T. julii* nhưng không nhiều như loài này. Không thu mẫu tại Phú Quốc. Ảnh mẫu vật minh họa thu tại lâm trường Mã Đà, tỉnh Đồng Nai.



Tanaecia lepidea ♂
02 - XII - 1997, Mã Đà - Tỉnh Đồng Nai

Bướm giáp nâu hại xoài

Euthalia aconthea sc 55mm, ct 33mm

Con đực màu nâu, có 4 đến 6 đốm trắng chạy từ giữa bờ cánh trước vào trong. Con cái màu sáng hơn, kích thước lớn hơn và các đốm trắng lớn hơn. Mẫu thu được ở Phú Quốc giống với loài phụ *E. aconthea garuda*.

Eo Xoài, Rạch Tràm.

Ghi chú: *E. aconthea* được coi là địch hại thứ yếu vì sâu loài này ăn hại điều, xoài.



Euthalia aconthea ♂

06 - VIII - 2007, Eo Xoài

Mẫu: Lê Duy Sơn



Euthalia aconthea ♀

12 - VII - 2007, Rạch Tràm

Bướm giáp xanh xám

Euthalia monina sc 50mm, ct 29mm

Con đực màu nâu xanh sẫm, rìa và góc ngoài cánh sau màu nâu ánh xanh. Con cái màu nâu với vùng phía trong rìa hai cánh sáng màu tạo thành dạng đường răng cưa phức tạp.

Rừng Quốc phòng.
Con đực cũng ghi nhận được tại Rừng Quốc phòng năm 2006.
Không thu được mẫu.



Euthalia monina ♀

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm giáp xanh đuôi nhọn

Euthalia phemius sc 56mm, ct 31mm

Con đực màu nâu với các vùng màu đen loang lổ, ở bờ cánh trước có các vạch trắng mảnh, rìa cánh sau có một vạch xanh lơ rộng, hẹp dần về phía chót cánh. Con cái màu nâu sẫm có một vạch trắng rộng chạy chéo ở giữa cánh trước, tạo thành từ những đốm trắng dài xếp liền nhau, sát bờ cánh trước, gần chót cánh có hai đốm trắng nhỏ khác.

Đường đi núi Hàm Ninh, Rừng Quốc phòng.

Ghi chú: việc ghi nhận loài *E. phemius* tại Phú Quốc chưa chắc chắn (dựa trên ảnh chụp và quan sát), cần thu mẫu để khẳng định.

Bướm giáp mốc

Euthalia anosia sc 57mm, ct 31mm

Dễ nhận diện bởi mặt trên cánh màu nâu và các chấm, vệt trắng loang lổ đều trên cánh tạo ra kiểu màu sắc mốc mốc.

Rừng Quốc phòng. Chưa thu được mẫu vật.

Bướm giáp xám đốm đỏ

Euthalia evelina sc 75mm, ct 42mm

Mặt trên cánh màu nâu, có một đốm đỏ dạng dấu ngã viền đen ở trong ô cánh trước, chót cánh trước uốn cong. Con cái kích thước lớn hơn, màu nhạt hơn, vùng từ giữa cánh ra rìa cánh có màu bạc bạc.

Eo Xoài, Đá bàn.
Khá phổ biến tại Đá Bàn vào tháng Bảy.



Euthalia evelina ♀

18 - IV - 2007, Eo Xoài



Bướm giáp đen vạch vàng

Euthalia teuta sc 62mm, ct 33mm

E. teuta và *E. recta* rất giống nhau với mặt trên cánh màu đen và có một hàng chấm vàng chạy giữa hai cánh. *E. teuta* phân biệt với *E. recta* bởi chấm vàng thứ nhất tính từ bờ cánh trước lệch ra khỏi hàng chấm và hơi thụt vào phía gốc cánh. Con cái kích thước lớn hơn và phía ngoài hàng chấm trắng cánh nhạt màu hơn.

Rừng Quốc phòng. Chưa thu được mẫu.



Euthalia teuta ♂

28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm giáp đen lớn đốm trắng

Lexias albopunctata sc 80mm, ct 40mm

Con đực màu đen, chót cánh trước có hai đốm trắng, có các đốm cam nhỏ ở ô cánh và giữa bờ cánh trước, cánh sau có các đốm ánh xanh chạy gần rìa cánh. Con cái có kích thước hơn nhiều (sc 100mm, ct 48mm) với các đốm trắng trên khắp cánh, các đốm đôi khi hơi ánh xanh lơ. Mẫu vật thu được giống với loài phụ *L. albopunctata borealis*, nhưng kích thước khá nhỏ so với các mẫu vật ở nơi khác.



Lexias albopunctata ♂
10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, đường đi núi Hàm Ninh. Chỉ gặp dưới tán rừng có cây gỗ, đôi khi ra đường mòn hoặc những chỗ trống để hút dịch trái cây rụng.

Bướm giáp hai đuôi vạch xanh

Polyura athamas
sc 55mm, ct 33mm

Mặt trên cánh màu đen. Có một vạch rộng màu xanh hơi vàng chạy dọc hai cánh. Cánh sau có hai đuôi ngắn và nhọn ở góc ngoài. Mẫu vật thu được giống với loài phụ *P. athamas athamas*.

Eo Xoài. Mẫu vật do anh Lê Duy Sơn thu được.



Polyura athamas ♂
06 - VIII - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn



Lexias albopunctata ♂
5 - VIII - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn



Lexias albopunctata ♀
10 - VII - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn; Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Bướm giáp mạo danh mắt vàng

Euripus nyctelius sc 54mm, ct 30mm

Con đực mặt trên cánh màu đen, có các đốm và vạch trắng, mắt vàng. Mặt dưới cánh có các đốm trắng tương tự mặt trên nhưng màu nền cánh nhạt hơn. Rìa cánh sau có hình dạng răng tù rất đặc trưng. Con cái có nhiều dạng, bắt chước các loài trong giống *Euploea*.

Rừng Quốc phòng. Đến nay mới chỉ ghi nhận được con đực, không rõ con cái ở Phú Quốc thuộc dạng nào.



Euripus nyctelius ♂

18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Euripus nyctelius ♂

18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Melanitis leda, dạng mùa khô
02 - IV - 2006, Eo Xoài

Bướm mắt rắn chiều thường

Melanitis leda sc 72mm, ct 37mm



Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Melanitis leda, dạng mùa mưa
26 - X - 2006, Eo Xoài



Melanitis leda ♂, dạng mùa khô
02 - IV - 2007, Eo Xoài

Mặt trên cánh màu nâu, gần chót cánh trước có đốm lớn màu cam. Chót cánh trước uốn ra thành góc. Mặt dưới cánh thay đổi theo mùa, dạng mùa khô có kiểu màu sắc ngụy trang như lá khô, dạng mùa mưa có các đốm mắt rõ rệt.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, Núi Tượng. Có lẽ phổ biến khắp Phú Quốc.

Bướm cau thường

Elymnias hypermnestra sc 62mm, ct 35mm

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi



Elymnias hypermnestra ♂
10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng



Elymnias hypermnestra ♀
17 - IV - 2007, Eo Xoài

Con đực bắt chước kiểu màu sắc của giống *Euploea*, mặt trên cánh trước ánh tím, con cái bắt chước loài *Danaus chrysippus*, tuy nhiên cũng có thể phân biệt được nhờ hình dạng cánh.

Eo Xoài, Núi Tượng, Rừng quốc phòng. Có lẽ phổ biến gần như khắp nơi do cây chủ của loài này là những loài cây thuộc họ Dừa, trong đó có nhiều loài là cây cảnh.

Bướm cau xanh đen

Elymnias nesaea sc 60mm, ct 37mm

Loài này bắt chước kiểu màu sắc của giống *Ideopsis* (phụ họ Danainae), tuy nhiên có thể phân biệt nhờ rìa cánh dạng răng cưa rõ rệt. Mặt dưới cánh màu nâu sậm loang lổ.

Eo Xoài, Núi Tượng. Các mẫu vật con đực do anh Lê Duy Sơn thu được tại Eo Xoài.



Elymnias hypermnestra ♂

18 - IV - 2007, Eo Xoài



Elymnias hypermnestra ♀

15 - VII - 2007, Eo Xoài

Mẫu: Lê Duy Sơn



Elymnias nesaea ♂

20 - VII - 2007, Eo Xoài

Mẫu: Lê Duy Sơn

Bướm mắt rắn xám

Orsotriaena medus sc 41mm, ct 22mm

Kích thước và kiểu màu sắc tương tự giống *Mycalesis*, tuy nhiên khác *Mycalesis* ở chỗ mắt không có lông, đặc tính sinh dục thứ cấp khác và chỉ có một gân (gân 12) phũ ra ở gốc cánh trước. Dễ dàng nhận diện nhờ mặt trên cánh màu xám tuyền, không có đốm mắt. Mặt dưới có các đốm mắt viền nâu rất tròn, có một vạch trắng mảnh những rõ nét chạy dọc hai cánh.

Rừng Quốc phòng. Chỉ ghi nhận được tháng Ba năm 2006 với số lượng rất ít, không ghi nhận được năm 2007. Không thu mẫu.



Orsotriaena medus
27 - III - 2006, Rừng Quốc phòng

Bướm cỏ thường***Mycalesis mineus*** sc 45mm, ct 23mm

Kích thước tương đối nhỏ. Màu nâu. Mặt trên cánh trước có một đốm mắt lớn. Mặt dưới cánh trước có hai đốm mắt, cánh sau có một chuỗi đốm mắt chạy sát rìa cánh.

Gặp gần như khắp nơi, tuy nhiên với giống *Mycalesis*, khó có thể phân biệt được đến cấp loài bằng cách quan sát. Thường thấy ở ven đường mòn, nơi có những đám cỏ, cây bụi nhỏ, bay thấp.

Bướm cỏ đốm lệch***Mycalesis perseus***

Kích thước và kiểu màu sắc tương tự *M. mineus*. Chỉ có thể phân biệt được nếu quan sát kỹ càng mẫu vật. Phân biệt với loài *M. mineus* qua hình dạng ngoài nhờ mặt dưới cánh trước thường có bốn đốm mắt, đốm mắt thứ ba (lớn nhất) tính từ góc ngoài cánh thụt vào trong.

Bướm cỏ đốm thẳng***Mycalesis perseoides*** sc 44mm, ct 21mm

M. perseoides có các đốm tương tự như *M. mineus* nhưng đặc tính sinh dục thứ cấp ở con đực không có màu hồng như ở *M. mineus*, màu nâu cánh cũng sậm hơn.

Núi Tượng.

Ghi chú: Dạng mùa khô của giống *Mycalesis* có các đốm mắt tiêu giảm, rất khó phân biệt qua hình dạng ngoài.



Mycalesis mineus ♂
18 - IV - 2007, Eo Xoài



Mycalesis mineus ♀
22 - III - 2007, Núi Tượng



Mycalesis perseoides ♂
10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng



Mycalesis perseoides ♂
10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng



Mycalesis perseoides ♀
22 - III - 2007, Núi Tượng



Mycalesis mineus ♂
22 - III - 2007, Hạt Kiểm lâm Cầu Trắng



Mycalesis cf. *perseoides* ♂
20 - III - 2007, Eo Xoài

Bướm mắt rắn nhỏ sáu đốm

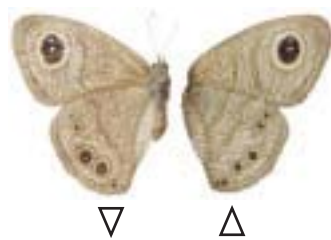
Ypthima baldus sc 40mm, ct 19mm



Ypthima baldus
18 - IV - 2007, Eo Xoài

Kích thước nhỏ, mặt trên cánh có màu nâu, cánh trước có một đốm mắt lớn viền cam, cánh sau có hai đốm mắt nhỏ ở gần góc ngoài cánh, mặt dưới cánh sau có 6 đốm mắt xếp thành từng đôi. Dạng mùa khô có các đốm mắt tiêu giảm, khó phân biệt với các loài khác trong cùng giống.

Gặp hầu như khắp nơi, sinh cảnh gặp tương tự giống *Mycalesis*.



Ypthima baldus ♀
16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Ypthima baldus
29 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Ypthima baldus
30 - III - 2006, Eo Xoài

Bướm mắt rắn nhỏ bốn đốm

Ypthima huebneri sc 29mm, ct 14mm



Ypthima huebneri
29 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Kích thước nhỏ hơn *Y. baldus*, mặt trên cánh sau chỉ có một đốm mắt, hoặc đốm mắt thứ hai rất nhỏ, mặt dưới cánh sau chỉ có 4 đốm mắt, trong đó có ba đốm mắt xếp cạnh nhau ở gần góc ngoài cánh.

Gấp gần như khắp nơi chung với loài *Y. baldus*, sinh cảnh gấp tương tự giống *Mycalesis*.



Ypthima huebneri ♂

17 - III - 2007

Rừng Quốc phòng



Ypthima huebneri
27 - III - 2006, Eo Xoài

Bướm chúa sọc nâu hại dừa

Amathusia phidippus sc 90mm, ct 46mm

Kích thước lớn, mặt trên cánh màu nâu, mặt dưới cánh màu sáng hơn với các vạch nâu lớn chạy song song dọc hai cánh.

Chỉ quan sát được tại Eo Xoài và đường đi núi Hàm Ninh. Mẫu vật minh họa do anh Lê Duy Sơn thu được tại Eo Xoài.

Ghi chú: có thể loài này được đưa vào đảo Phú Quốc theo các cây cảnh thuộc họ Cau Dừa. Cho đến nay vẫn chưa ghi nhận thêm được loài nào khác thuộc phụ họ này tại Phú Quốc.



Amathusia phidippus ♂
15 - VII - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn

Bướm ngao đốm

Zemerus flegyas sc 43mm, ct 23mm



Zemerus flegyas ♂
22 - III - 2007, Núi Tượng



Zemerus flegyas ♂

18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Kích thước nhỏ, màu nâu hoặc nâu cam, trên cánh có các đốm trắng nhỏ. Đực và cái giống nhau, con cái có rìa cánh trước cong hơn. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc giống với loài phụ *Z. flegyas allica*. Loài phụ được ghi nhận ở phía bắc Việt Nam *Z. flegyas flegyas* có màu sậm hơn.

Rừng Quốc phòng, Núi Tượng.
Không bao giờ gặp với số lượng nhiều.

Bướm ngao đen chót cam

Taxila haquinus sc 45mm, ct 23mm

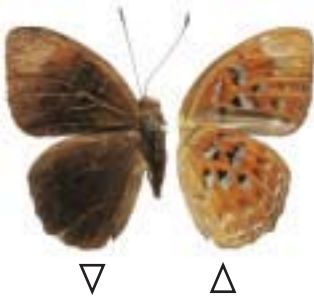
Mặt trên con đực màu nâu đen, chỉ có phần gần chót cánh có một vết màu cam xin màu không rõ mép. Con cái mặt trên màu nâu, có các đốm đen phân bố đều trên cánh, vùng gần chót cánh có một vạch trắng rộng không rõ mép. Mặt dưới cánh màu đỏ mật, có các đốm đen và xanh tím rải đều khắp cánh. Loài phụ ghi nhận được ở Phú Quốc là *T. haquinus berthae*.



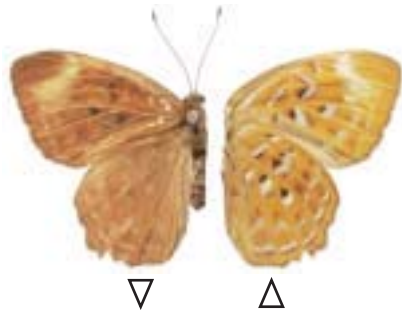
Taxila haquinus ♂
19 - III - 2007, Hàm Ninh

Rừng Quốc phòng,
Hàm Ninh, Rạch Tràm.

Ở Việt Nam, phân bố của loài này không được biết rõ. Trước đây, chỉ có một ghi nhận về loài này tại Việt Nam là mẫu vật tại Bảo tàng Tự nhiên học của Pháp. *Taxila haquinus* có lẽ chỉ phân bố ở phía Nam.



Taxila haquinus ♂
28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng



Taxila haquinus ♀
18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



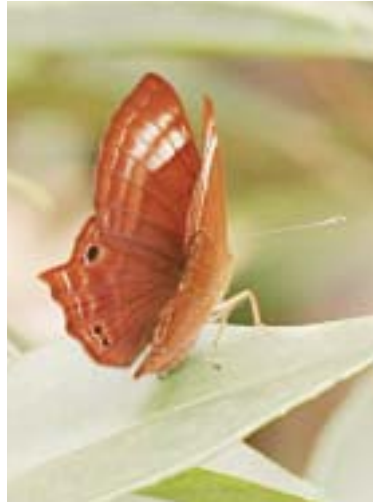
Taxila haquinus ♀
13 - VII - 2007, Rạch Tràm

Bướm ngao nâu đỏ hai vạch trắng

Abisara echerius sc 35mm, ct 19mm



Abisara echerius ♀
10 - VII - 2007, Hàm Rồng



Abisara echerius ♀
10 - VII - 2007, Hàm Rồng

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Màu nâu cam, mặt ở mặt dưới cánh trước có hai sọc trắng rộng và một sọc trắng mảnh chạy sát rìa cánh. Mặt dưới cánh sau có 5 đốm đen, rìa cánh sau, từ gân 7 trở xuống, lồi ra tạo thành một thùy gần như đuôi. Con cái nhạt màu hơn con đực và các vạch trắng ở cánh trước rộng hơn và rõ rệt hơn. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc là loài phụ *A. echerius paionea*.

Rừng Quốc phòng.



▽ △
Abisara cherius ♀
28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm nâu nhỏ

Miletus mallus sc 37mm, ct: 19mm

Mặt trên màu nâu, vùng giữa cánh trước có ba đốm trắng dài không rõ mép, vùng gần chót cánh trước chuyển sang màu gần như đen. Mặt dưới màu nâu sáng với các vạch sậm màu chạy ngoằn ngoèo. Mẫu vật thu được giống với loài phụ *M. mallus mallus*.

Eo Xoài, hồ chứa nước Dương Đông, Rừng Quốc phòng.



Miletus mallus ♂

18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Miletus mallus

22 - IV - 2007, hồ Dương Đông

Bướm xanh nhảy nhỏ

Allotinus subviolaceus sc 27mm, ct 14mm

Kích thước nhỏ. Mặt trên cánh trước có gốc cánh trắng hơi xanh xin, rìa cánh viền đen rộng, cánh sau có màu xám. Mặt dưới có cánh sau kiểu màu sắc loang lổ các màu nâu, đen, vàng. Mặt dưới cánh trước có kiểu màu sắc tương tự mặt trên nhưng rìa cánh không đen hẳn mà có dạng loang lổ. Rìa cánh gọn sóng. Mẫu vật thu được giống với loài phụ *A. subviolaceus manychus*.

Rừng Quốc phòng.



Allotinus subviolaceus ♀

17 - III - 2007

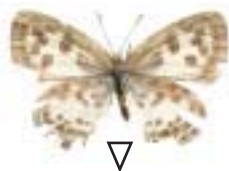
Rừng Quốc phòng

Bướm hề thường

Castalius rosimon sc 29mm, ct 14mm

Rất dễ nhận diện. Mặt trên con đực màu trắng với các đốm đen, gốc cánh xanh dương, con cái không có các màu xanh ở mặt trên cánh. Mặt dưới cánh màu trắng và các đốm đen, góc ngoài cánh sau có các vẩy xanh. Có một đuôi ngắn. Mẫu vật thu được giống loài phụ *C. rosimon rosimon*.

Ghi nhận ở Eo Xoài trong đợt điều tra nhưng phổ biến khắp nơi.



Castalius rosimon ♂
20 - IV - 2007, Eo Xoài



Castalius rosimon
29 - X - 2006, Eo Xoài

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Bướm xanh trắng chấm

Neopithecops zalmora sc 22mm, ct 11mm



Neopithecops zalmora ♂
20 - IV - 2007, Eo Xoài

Kích thước nhỏ. Cánh tròn. Mặt trên màu xám sậm. Mặt dưới màu trắng, có một đốm đen to ở cánh sau sát bờ cánh và gần chót cánh, có các đường màu nâu đứt đoạn chạy dọc rìa hai cánh tạo thành các viền. Bay thấp, khi bay thấy thấp thoáng màu trắng của mặt dưới cánh.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng.



Neopithecops zalmora ♂
20 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm xanh phấn đốm gốc

Acytolepis puspa sc 31mm, ct 14mm

Mặt trên cánh con đực màu xanh dương, viền đen rộng. Mặt dưới màu trắng phấn với các chấm đen trên cánh, cánh viền đen mảnh và phía trong viền đen có các chấm đen lớn. *A. puspa* phân biệt với các loài khác có kiểu màu sắc mặt dưới cánh tương tự nhờ mặt dưới cánh sau có một chấm đen gần gốc cánh.

Rừng Quốc phòng.



Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Acytolepis puspa
27 - XI - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm xanh ba chấm thẳng nhỏ***Zizeeria karsandra*** sc 19mm, ct 9mm

Kích thước nhỏ hơn nhiều so với loài *Zizeeria maha*. Phân biệt với các loài khác tương tự có ở Phú Quốc nhờ các đốm đen ở mặt dưới cánh không rõ nét, ba đốm đen đầu tiên ở vùng giữa cánh sau gần như thẳng hàng.

Eo Xoài. Thường gặp ở các bụi cỏ ven đường.

*Zizeeria karsandra* ♀

19 - IV - 2007, Eo Xoài

*Zizeeria karsandra* ♀

19 - IV - 2007, Eo Xoài

*Zizeeria karsandra* ♀

19 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm xanh chấm vòng

Zizula hylax sc 18mm, ct 8mm

Kích thước nhỏ. Phân biệt với *Zizina otis* nhờ các đốm đen ở mặt dưới cánh sau xếp thành vòng khá đều. Mặt trên con đực màu xanh xám, mặt trên con cái màu xám.

Eo Xoài.

Bướm xanh chấm thường

Zizina otis sc 21mm, ct 11mm

Kích thước nhỏ. Con đực mặt trên cánh màu xanh dương sẫm, viền cánh xanh tím; con cái màu nâu, phần gốc cánh ánh màu xanh dương. Có thể phân biệt với các loài khác gần giống với loài này nhờ mặt dưới cánh sau có hai đốm đen đầu tiên trong chuỗi đốm đen ở vùng giữa cánh lệch hẳn vào phía trong gốc cánh.

Trạm Bãi Thơm, Eo Xoài.



Zizina otis

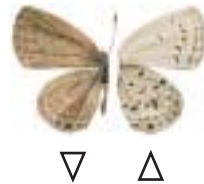
23 - IV - 2007, trạm Bãi Thơm

Bướm xanh hại cam

Chilades lajus sc 25mm, ct 13mm

Con đực mặt trên màu xanh dương; con cái mặt trên màu xám, rìa cánh sau có các đốm đen dạng nửa hình tròn xếp liền nhau thành chuỗi. Mặt dưới màu nâu sáng với các đốm và vệt màu đen hoặc nâu sậm, rìa cánh có các đốm tạo thành viền.

Eo Xoài. Quan sát thấy đẻ trứng trên chanh. Cho đến nay chỉ mới thu được mẫu con cái, chưa rõ hình thái con đực tại Phú Quốc.



Chilades lajus ♀. Tất cả các ảnh của cùng một cá thể.
19 - IV - 2007, Eo Xoài.

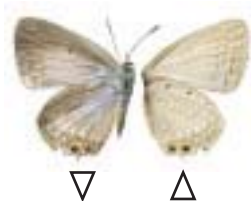
Bướm xanh hai vòng cam

Euchrysops cnejus

sc 29mm, ct 15mm

Con đực mặt trên màu xanh tím. Con cái mặt trên cánh ít màu xanh hơn. Vùng góc ngoài cánh có hai đốm mắt đen lớn viền cam. Có một đuôi ngắn giữa hai đốm mắt này.

An Thới.



Euchrysops cnejus ♀

27 - XII - 2007,

An Thới

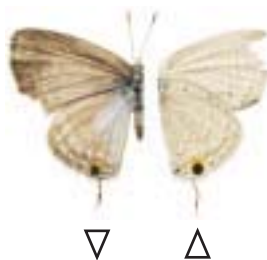
Bướm xanh hai chấm

Catochrysops panormus

sc 31mm, ct 16mm

Mặt trên màu xanh tím sáng, con cái mặt trên cánh cũng màu xanh nhưng phần lớn cánh có thêm các vẩy đen khiến cho màu xanh dạng loang lổ đen. Mặt dưới có hai đốm đen nhỏ ở sát bờ trước cánh sau. Có một đốm mắt đen viền cam dày ở góc ngoài cánh sau, ngay phía ngoài đốm mắt là một đuôi ngắn.

Núi Tượng, chỉ thu được một mẫu con cái.



Catochrysops panormus ♀

Tất cả các ảnh của cùng một cá thể.

22 - III - 2007, Núi Tượng

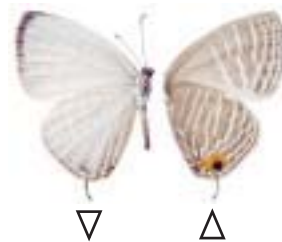
Bướm xanh rằn trắng thường***Jamides celeno*** sc 36mm, ct 18mm

Jamides celeno ♀
20 - IV - 2007, Eo Xoài

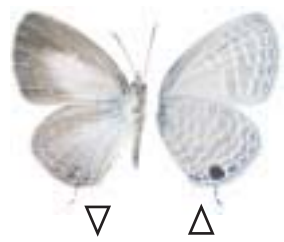
Con đực có mặt trên cánh màu trắng xanh với các vạch trắng ở mặt dưới cánh hằn lên mặt trên, rìa cánh trước viền đen, phần màu đen dày hơn khi đến gần chót cánh. Con cái mặt trên phần lớn có màu nâu xám, chỉ còn phần gốc cánh có màu xanh.

Mặt dưới cánh màu xám với các vạch trắng, góc ngoài cánh sau có một đốm mắt lớn viền cam. Có một đuôi ngắn.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng.



Jamides celeno ♂
17 - III - 2007,
Rừng Quốc phòng



Jamides celeno ♀
16 - IV - 2007,
Eo Xoài

Bướm tím vạch trắng

Nacaduba sanaya sc 25mm, ct 14mm

Giống *Nacaduba* có gân 11 và 12 ở cánh trước nhập chung với nhau. Con đực loài *N. sanaya* có mặt trên cánh màu xanh tím. Mặt dưới cánh màu xám với các vạch trắng; góc ngoài cánh sau có một đốm đen lớn với chóp viền cam. Cánh sau có đuôi.

Rừng quốc phòng.

Ghi chú: Loài này trước đây được ghi nhận ở Phú Quốc từ bộ sưu tập của Bedford Russell (Bảo tàng Tự nhiên học Anh).



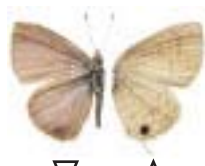
Nacaduba sanaya
17 - III - 2007,
Rừng Quốc phòng

Bướm xanh xám sọc có đuôi

Prosotas nora sc 22mm, ct 12mm

Có đuôi. Mặt trên cánh màu xanh dương tím, rìa cánh viền đen mảnh. Mặt dưới cánh màu nâu sậm, các vạch sậm màu hơn nền và có viền sậm màu. Mẫu vật thu được giống với loài phụ *P. nora nora*.

Rừng Quốc phòng.



Prosotas nora
21 - III - 2007,
Rừng Quốc phòng

Bướm xanh tím nhỏ

Prosotas pia sc 21mm, ct 11mm

Có đuôi. Tương tự *P. nora* nhưng mặt dưới cánh sáng màu hơn.

Rừng Quốc phòng. Không có ảnh mẫu vật.



Prosotas dubiosa ♀
17 - III - 2007
Rừng Quốc phòng

Bướm xanh xám sọc không đuôi

Prosotas dubiosa sc 13mm, ct 9mm

Không đuôi. Mặt trên cánh màu xanh tím xỉn. Mặt dưới nâu đỏ. Căn cứ trên mẫu vật thu được ở Phú Quốc thì đây là loài phụ *P. dubiosa indica*.

Rừng Quốc phòng.



Prosotas dubiosa ♂
21 - III - 2007
Rừng Quốc phòng



Prosotas nora
21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Prosotas nora (trái) và *P. pia* (phải)
21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Prosotas dubiosa
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Các loài trong giống *Prosotas* (trong ảnh là *P. nora*, *P. pia* và *P. dubiosa*) thường tập trung thành đàn ven những chỗ ẩm.
21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng.



Nacaduba sanaya
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Bướm xám nhỏ chấm đen**Una usta** sc 22mm, ct 11mm

Mặt trên màu nâu sậm ánh tím, viền đen ở rìa cánh hẹp. Mặt dưới cánh màu nâu sáng với các đốm đen ở giữa cánh lớn và rõ rệt, các đốm đen sát rìa cánh mờ. Loài phụ ở Phú Quốc là *U. usta usta*.

Rừng Quốc phòng.

*Una usta* ♂

10 - VII - 2007

Rừng Quốc phòng

*Una usta* ♂

10 - VII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm xanh ba đuôi cụt

Anthene emolus sc 32mm, ct 17mm

Mặt trên cánh con đực màu xanh tím sậm, ở con cái chỉ có phần gốc cánh có màu xanh. Mặt dưới màu nâu sáng với các vạch trắng mảnh chạy ngoằn ngoèo. Góc ngoài cánh sau có một đốm mắt có chớp cam. Có ba đuôi rất ngắn, tạo thành từ các lông nhỏ.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng.



Anthene emolus ♂
02 - IV - 2006, Eo Xoài



Anthene emolus ♀
20 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm xanh óng lớn vạch trắng***Arhopala pseudocentaurus*** sc 50mm, ct 26mm

Một trong những loài lớn nhất và phổ biến nhất trong giống *Arhopala*. Đặc trưng bởi các đốm trong ô cánh trước viền trắng khiến cho ta trông thấy giống như có các vạch trắng trong ô cánh.

Rừng giống, Rừng Quốc phòng, Eo Xoài.



Arhopala pseudocentaurus
21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm xanh óng lớn đốm nâu***Arhopala anthelus***

sc 51mm, ct 26mm

Kích thước rất lớn trong giống này. Con đực có mặt trên cánh màu xanh sáng, viền đen ở cánh hẹp. Mặt dưới cánh trước có ba chấm trong ô 11, mặt dưới cánh sau có 2 chấm gần gốc cánh trong ô 8.

Rừng quốc phòng.

Bướm xanh óng vệt sáng***Arhopala perimuta***

sc 32mm, ct 16mm

Dễ nhận diện trong giống này nhờ mặt dưới cánh có một vùng sáng màu rất đặc trưng. Kích thước tương đối nhỏ.

Rừng giống, Rừng Quốc phòng.



Arhopala perimuta
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm xanh óng mắt lục

Arhopala elopura sc 31mm, ct 15mm

Mặt dưới cánh màu nâu ngả vàng với các vạch hơi vàng nâu. Góc ngoài cánh sau có các vẩy xanh óng ánh. Ở mặt trên, viền đen ở cánh trước mảnh (con đực).

Rừng giống, Rừng quốc phòng.



Arhopala elopura

17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm xanh óng sáng màu

Arhopala alitaeus sc 37mm, ct 18mm

Mặt dưới màu nâu sáng với các vạch trắng chạy ngoằn ngoèo tạo thành các đốm viền trắng, ở trong viền trắng các đốm sậm màu hơn nền cánh. Góc ngoài cánh sau có vùng vẩy xanh và hai đốm mắt đen.

Rừng giống, Rừng quốc phòng, Rạch Tràm.



Arhopala alitaeus

18 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm xanh óng rìa thẳng

Arhopala aida sc 36mm, ct 19mm

Tương tự *A. elopura*, nhưng kích thước lớn hơn ra rìa cánh trước thẳng.

Rừng giống.

Bướm xanh óng ánh tím

Arhopala aurelia ct 39mm, ct 19mm

Kích thước lớn trong giống này. Mặt trên cánh màu xanh tím sậm. Mặt dưới cánh có màu nâu tím, các đốm có màu đen hay nâu sậm, góc ngoài cánh sau có một đốm đen lớn, gần đó có các vẩy xanh dương, xanh lục óng ánh.

Rừng Quốc phòng.

Bướm xanh óng Silhet***Arhopala silhetensis***

sc 46mm, ct 24mm

Kích thước lớn. Ở con đực, viền đen mặt trên cánh rất mảnh. Mặt dưới cánh màu nâu, các đốm đen khá nhỏ và không có viền trắng hoặc có viền trắng không rõ.

Rừng Quốc phòng.

*Arhopala silhetensis*

17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm xanh óng ánh hồng***Arhopala eumolpus***

sc 42mm, ct 22mm

Mặt dưới màu nâu ánh hồng với các đốm có viền trắng. Ở mặt trên, viền đen ở mép cánh dày, gần chót cánh vùng màu đen ăn vào vùng màu xanh ở cánh trước thành một vết nhọn.

Rừng Quốc phòng, Đá Bàn.

Bướm xanh óng vàng***Arhopala abseus***

sc 34mm, ct 17mm

Mặt dưới cánh có kiểu màu sắc đặc trưng loang lổ, khá dễ nhận diện so với các loài khác trong giống *Arhopala*. Mặt trên cánh có viền đen khá rộng.

Rừng quốc phòng, Đá Bàn.

*Arhopala abseus* ♀

15 - VII - 2007, Đá Bàn



▽ △
Arhopala elopura ♂
15 - III - 2007,
Rừng Quốc phòng



▽ △
Arhopala perimuta ♂
15 - III - 2007,
Rừng Quốc phòng



▽ △
Arhopala abseus ♀
17 - III - 2007,
Rừng Quốc phòng



▽ △
Arhopala aurelia ♀
15 - III - 2007,
Rừng Quốc phòng



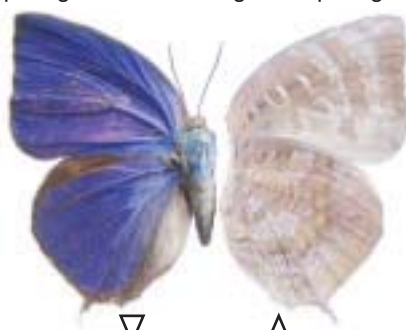
▽ △
Arhopala alitaeus ♂
15 - III - 2007,
Rừng Quốc phòng



▽ △
Arhopala aida ♀
19 - III - 2007,
Rừng Quốc phòng



▽ △
Arhopala anthelus ♀
19 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



▽ △
Arhopala pseudocentaurus ♂
15 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



▽ △
Arhopala silhetensis ♂
29 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



▽ △
Arhopala eumolphus ♀
17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm xanh lớn đuôi dài***Neomyrina nivea*** sc 47mm, ct 26mm

Kích thước lớn, dễ dàng nhận diện khi đậu bởi mặt dưới màu trắng với các vạch sẫm màu hơn. Mặt trên màu trắng, chót và rìa cánh trước đen ánh xanh, con cái không có ánh xanh.

Cửa Cạn, Rạch Tràm. Không thu được mẫu vật.



Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Neomyrina nivea ♀
11 - VII - 2007, Cửa Cạn

Bướm cam nghệ thường

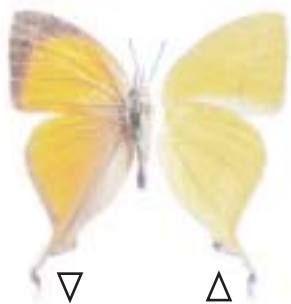
Loxura atymnus sc 34mm, ct 19mm

Dễ dàng nhận diện bởi mặt dưới có màu vàng nghệ. Mặt trên màu cam với viền cánh trước đen, viền đen dày ra ở vùng chót cánh. Có một đuôi dài và khá lớn, gốc đuôi phình ra to. Mẫu vật thu được là loài phụ *L. atymnus continentalis*.

Eo Xoài, Rừng Quốc phòng. Cũng phổ biến ở nhiều nơi khác trên đảo Phú Quốc.



Loxura atymnus
30 - III - 2006, Eo Xoài



Loxura atymnus
19 - IV - 2007, Eo Xoài



Loxura atymnus
19 - IV - 2007, Eo Xoài

Bướm xám đuôi dài***Cheritra freja*** sc 37mm, ct 21mm

Mặt trên màu xám sậm, vùng góc ngoài cánh sau có các đốm đen trên nền trắng. Mặt dưới màu trắng, rìa và chót cánh trước viền hơi vàng, có hai đốm mắt đen ở góc ngoài cánh sau, giữa hai đốm mắt này có các vẩy xanh. Có hai đuôi, một đuôi rất dài. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc là loài phụ *C. freja evansi*.

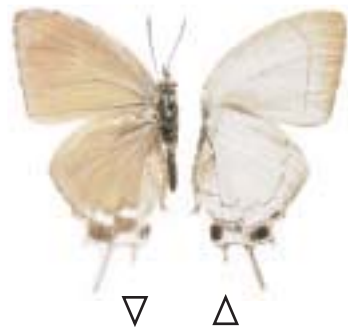
Eo Xoài, Rừng Quốc phòng, Rạch Tràm.



Cheritra freja ♀
18 - IV - 2007, Eo Xoài



Cheritra freja ♀
21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Cheritra freja ♂
21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm cam đuôi ngạnh

? *Drupadia ravindra*

Giống *Drupadia* có mặt trên cánh trước màu cam, chót cánh trước viền đen rất rộng. Mặt dưới cánh trước màu vàng, cánh sau màu trắng với các đốm và vạch đen và nâu. Cánh sau có ba đuôi, đuôi ở giữa rất dài.

Chỉ quan sát được tại rừng quốc phòng, việc xác định loài chưa chắc chắn. Cần thu mẫu để khẳng định.

Bướm đỏ cacnelian

Deudorix epijarbas sc 32mm, ct 16mm

Con đực mặt trên màu đỏ sẫm, bờ trước cánh, chót cánh trước và rìa cánh sau viền đen. Con cái có màu nâu sẫm. Mặt dưới màu xám nhạt với các vạch nằm ngoài ô cánh viền trắng. Tên bướm được gọi theo tiếng Anh, do mặt trên cánh con đực màu đỏ như màu khoáng vật cacnelian.

Rừng Quốc phòng. Mới ghi nhận được con cái. Không thu được mẫu.



Deudorix epijarbas ♀

31 - III - 2006, Rừng Quốc phòng

Bướm xanh đuôi dài

Hypolycaena (Zeltus) amasa sc 26mm, ct 15mm

Dễ dàng nhận diện bởi kích thước nhỏ và hai đuôi rất dài. Mặt trên có phần gốc ánh màu xanh lơ, từ giữa cánh ra phía ngoài sậm dần và chuyển thành màu đen. Mặt dưới cánh sau màu trắng, có hai đốm mắt đen, mặt dưới cánh trước màu nâu. Loài phụ ghi nhận được là *Z. amasa amasa*.

Bãi Thơm, Rừng giống, Rừng Quốc phòng, Suối Tranh. Thường chỉ gặp từng cá thể riêng lẻ.

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi



Hypolycaena (Zeltus) amasa
27 - XI - 2007, Rừng Quốc phòng



Zeltus amasa ♂
27 - XII - 2007, Suối Tranh



Hypolycaena (Zeltus) amasa
31 - III - 2006, Ghềnh Dầu

Bướm tím than hai đuôi

Hypolycaena erylus sc 33mm, ct 17mm

Mặt trên con đực màu xanh tím than, vùng giữa cánh có một đám vẩy lớn màu đen; mặt trên con cái màu nâu. Mặt dưới màu trắng xám, các vạch màu nâu hơi vàng. Góc ngoài cánh có hai đốm mắt, đốm mắt phía rìa cánh có chóp màu cam. Có hai đuôi ngắn.

Rạch Tràm.



Hypolycaena erylus ♂
12 - VII - 2007, Rạch Tràm

Bướm xanh viền nâu 2 đuôi

Hypolycaena thecloides

sc 28mm, ct 15mm

Tương tự *H. erylus*, tuy nhiên màu nền mặt dưới cánh sáng hơn và vùng mép cánh có màu vàng cam rõ rệt, các vạch ở mặt dưới cánh dày hơn, có một đốm màu nâu vàng ở sát bờ trước cánh sau và gần gốc cánh, đốm mắt ở phía rìa cánh sau không có chóp màu cam, có một vùng lớn màu vàng cam bao quanh nửa phía trong của nó, hai đuôi dài hơn so với *H. erylus*.

Rạch Tràm.



Hypolycaena thecloides ♂
13 - VII - 2007, Rạch Tràm

H. thecloides do tác giả ghi nhận lần đầu tiên tại Vườn

Quốc gia U Minh Thượng năm 2000. Đây là lần thứ hai nó được ghi nhận ở Việt Nam. Có lẽ *H. thecloides* chỉ phân bố ở phía nam nước ta.

Bướm tai đen màu đồng

Rapala pheretima sc 34mm, ct 17mm

Con đực mặt trên màu đỏ đồng, con cái mặt trên màu xanh tím sậm. Mặt dưới nâu nhạt với các vạch và chấm sậm màu hơn; con đực có hai đốm nâu trong ô cánh trước và ô cánh sau, con cái không có đốm nâu trong ô cánh sau. Góc ngoài cánh sau lồi ra thành một thùy trông như cái tai đen.

Eo Xoài, Đá Bàn.



Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Bướm tai đen nâu

Rapala suffusa sc 34mm, ct 17mm

Mặt trên con đực màu đỏ nâu, con cái màu nâu xám. Mặt dưới màu vàng, có một vạch màu nâu chạy song song với rìa hai cánh ở vùng gần giữa. Có một đốm mắt đen thứ hai ở gần góc ngoài cánh, giữa hai đốm mắt là một đuôi nhỏ.

Núi Tượng, Rừng Quốc phòng, Đá Bàn.

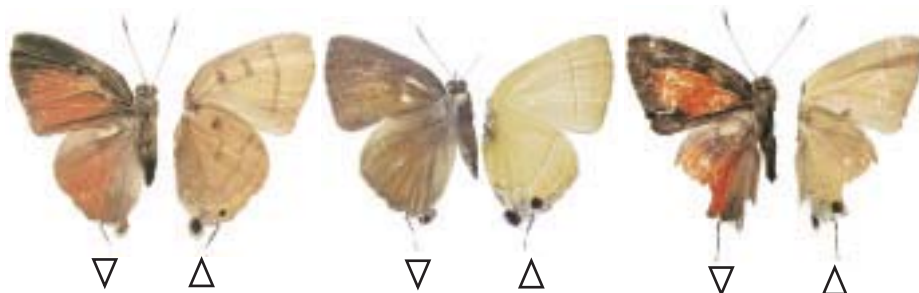
Rapala pheretima ♂
20 - VI - 2007, Eo Xoài

Bướm tai đen cánh đỏ

Rapala dieneces sc 34mm, ct 18mm

Con đực mặt trên cánh trước có màu đỏ sáng, viền đen ở rìa cánh rộng hơn so với *R. pheretima*. Ô cánh trước không đen hoàn toàn.

Đá Bàn.



Rapala pheretima ♂
15 - VII - 2007, Đá Bàn

Rapala suffusa ♀
18 - III - 2007
Rừng Quốc phòng

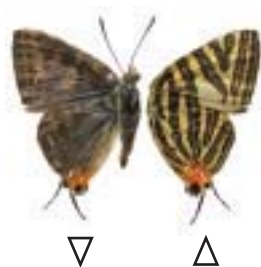
Rapala dieneces ♂
15 - VII - 2007, Đá Bàn

Bướm vằn chì bạc liên

Spindasis lohita sc 30mm, ct 15mm

Giống *Spindasis* dễ dàng nhận diện bởi các vạch màu nâu viền bạc ở mặt dưới cánh. Loài *S. lohita* có sọc dài thứ hai tính từ gốc cánh vào trong liên chứ không đứt như loài *S. syama*. Mặt trên cánh màu tím sậm, đen ở rìa cánh, với các vết sậm mờ loang lổ trông như hằn lên từ mặt dưới cánh.

Cửa Lấp.



Spindasis lohita ♂
29 - XII - 2007, Cửa Lấp



Spindasis lohita ♂
29 - XII - 2007, Cửa Lấp



Spindasis lohita ♂
29 - XII - 2007, Cửa Lấp

Bướm cam bạc viền rộng

Curetis bulis sc 37mm, ct 21mm

Mặt trên cánh màu cam, viền đen ở cánh trước rất rộng ở vùng chót cánh và chạy vào tận giữa đáy cánh, viền đen ở cánh sau chỉ rõ ở vùng bờ trước, lem dần vào phía trong khi tiến về phía góc ngoài cánh. Mặt dưới đặc trưng cho giống *Curetis*, có màu trắng bạc. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc giống với loài phụ *C. bulis bulis*.

Rừng quốc phòng.



Curetis bulis ♂

21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Curetis bulis ♀

31 - III - 2006, Rừng Quốc phòng



Curetis bulis ♂

21 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm cam bạc viền hẹp

Curetis saronis sc 38mm, ct 20mm



Viền đen ở cánh trước chỉ chạy đến góc ngoài cánh. Viền đen ở cánh sau khá mảnh và rõ nét, chạy lem vào một vài gân. Đặc điểm phân biệt loài này với các loài tương tự là chân có khoanh trắng-đỏ, trong khi các loài khác là trắng-nâu hay trắng-đen. Mẫu vật thu được giống với loài phụ *C. saronis indosinica*.

Rừng Quốc phòng.

Curetis saronis ♂

27 - III - 2006, Rừng Quốc phòng



Curetis saronis ♂

20 - IV - 2007, Rừng Quốc phòng



Curetis saronis ♂

27 - III - 2006, Rừng Quốc phòng

Bướm nhảy lớn đuôi cam

Bibasis sena sc 39mm, ct 20mm

Kích thước và màu sắc tương tự giống *Hasora*, tuy nhiên vùng góc ngoài cánh sau có màu cam. Mặt trên cánh màu nâu. Mặt dưới cánh trước có một đốm trắng lớn không rõ mép ở giữa đáy cánh. Mặt dưới cánh sau có một vết trắng lớn chạy từ bờ trước cánh đến gân 2.

Rừng Quốc phòng.



Bibasis sena

28 - XII - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm nhảy lớn cánh nâu

Hasora chromus sc 47mm, ct 22mm

Mặt trên cánh màu nâu sậm, vùng chót cánh trước nhạt màu hơn. Mặt dưới cánh sau có một vạch trắng mảnh lem tím hoa cà; cánh sau màu nâu pha xanh, ngả tím than từ ngoài vạch trắng đến rìa cánh.

Rừng Quốc phòng, Eo Xoài, Rạch Tràm.



Hasora chromus

17 - III - 2007, Rừng Quốc phòng



Hasora chromus

18 - VI - 2007, Đá Bàn

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Bướm nhảy lớn cánh xanh

Hasora taminatus sc 47mm, ct 22mm

Tương tự *H. chromus* nhưng kích thước hơi nhỏ hơn. Vạch trắng mảnh ở mặt dưới cánh sau chạy từ bờ trước đến góc ngoài cánh. Mặt dưới cánh sau có màu xanh ở vùng gốc cánh cho đến vạch trắng.

Rừng Quốc phòng, Đá Bàn.



Hasora taminatus ♂

17 - III - 2007

Rừng Quốc phòng

Bướm nhảy lớn chấm trắng

? *Hasora badra* sc 38mm, ct 22mm

Loài này tương đối dễ nhận diện khi đậu bởi mặt dưới cánh sau có một chấm trắng trong ô cánh và một vùng sáng màu ở phía trong vùng màu đen của góc ngoài. Theo Pinratana (1985), loài này phân biệt với loài *H. amura* (cũng có chấm trắng trong ô cánh sau) nhờ *H. amura* không có góc ngoài cánh sau lồi ra.

Chỉ mới quan sát được ở Rừng Quốc phòng, chưa thu được mẫu.



Hasora taminatus

27 - III - 2006, Rừng Quốc phòng

Bướm nhảy cánh xoè xám

Tagiades gana sc 42mm, ct 20mm

Mặt trên cánh màu xám. Mặt dưới cánh sau màu trắng xám, có vài chấm trắng ở vùng góc ngoài cánh. Khi đậu luôn xoè cánh áp sát vào nơi đậu.

Đá Bàn, Rừng giống, Rừng Quốc phòng.



Tagiades gana ♂

11 - VII - 2007, Đá Bàn



Tagiades gana

29 - III - 2006, Rừng Quốc phòng

Bướm nhảy cánh xoè hai đốm

Tagiades japetus sc 42mm, ct 23mm

Màu nâu sậm với các vết sậm màu loang lổ. Có hai đốm trong mờ ở vùng giữa các trước, các đốm ở con cái lớn hơn. Mặt dưới cánh sau màu trắng xám có vài đốm đen lớn ở phía ngoài ô cánh.

Eo Xoài.



Tagiades japetus ♀
30 - III - 2006, Eo Xoài

Bướm khía hạt dẻ

Odontoptilum angulatum sc 38mm, ct 20mm

Mặt trên cánh có màu sắc đặc trưng dễ nhận diện với màu nền chính là nâu hạt dẻ. Ở Phú Quốc, sâu ăn lá cây cò ke (nhận diện sâu theo Igahashi và Fukuda, 2000).

Eo Xoài. Không phổ biến.



Sâu của *Odontoptilum angulatum*
22 - IV - 2007, Eo Xoài



Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Odontoptilum angulatum ♂
27 - III - 2006, Eo Xoài

Bướm nhày lớn đốm trắng

Caprona agama sc 36mm, ct 17mm

Kích thước tương đối lớn trong họ. Mặt trên màu xám với các đốm trắng nhỏ rải đều khắp hai cánh.

Eo Xoài.

Ghi chú: Theo Pinratana (1985), loài này có hai dạng theo mùa rất khác nhau. Dạng ghi nhận được ở Phú Quốc là dạng mùa mưa, tuy nhiên thời điểm ghi nhận là mùa khô!



Caprona agama
26 - III - 2006, Eo Xoài

Bướm nhày nâu tuyền

Astictopterus jama sc 30mm, ct 16mm

Giống *Astictopterus* chỉ có một loài ở Việt Nam. Màu nâu tuyền. Chân dài. Bụng dài hơn đáy cánh sau. Bay thấp gần các bụi cỏ.

Loài này rất phổ biến dọc các bụi cỏ ven đường mòn ở nhiều nơi khác nhưng chỉ mới gặp và thu được một mẫu vật tại Rừng Quốc phòng.



▽ △
Astictopterus jama
29 - XII - 2007
Rừng Quốc phòng

Bướm nhày nâu cánh hẹp

Psoilos fuligo sc 36mm, ct 19mm

Loài này khi đậu dễ nhận diện bởi bờ cánh trước cong và cánh tương đối hẹp. Mặt trên màu nâu hơi ánh vàng, mặt dưới sáng màu hơn.

Suối Tranh. Chưa thu được mẫu.

Bướm nhảy nâu nhỏ thường

lambricx salsala sc 31mm, ct 14mm

Mặt trên cánh màu nâu sắt gỉ, có các chấm vàng không rõ ràng chạy thành vòng cung ở giữa cánh trước. Mặt dưới cánh màu nâu đỏ, cánh sau có vài chấm trắng nhỏ.

Eo Xoài, Bãi Thơm, Rừng Quốc phòng. Rất phổ biến ở ven các đường mòn.



lambricx salsala ♂

29 - III - 2007, Núi Tượng



lambricx salsala

31 - III - 2006, Bãi Thơm



lambricx salsala

02 - IV - 2006, Eo Xoài



Iambrix salsala
30 - III - 2006, Eo Xoài

Bướm nhảy vạch trắng một đốm

Notocrypta paralyssos sc 32mm, ct 16mm



Notocrypta paralyssos ♂
30 - III - 2006, Eo Xoài



Notocrypta paralyssos ♀
02 - IV - 2006, Eo Xoài

Giống *Notocrypta* đặc trưng bởi màu nền cánh đen và có các đốm trắng lớn tạo thành một băng chéo ở giữa cánh trước.

N. paralyssos Phân biệt với các loài khác trong giống *Notocrypta* nhờ vạch trắng ở mặt dưới cánh trước chạy chạm đến bờ cánh, có thể có hoặc không một chấm trắng ở ô 4 của cánh trước. Các đốm trắng ở cánh trước của con cái hơi tách rời ra hơn so với con đực.

Eo Xoài, Hàm Ninh.



Notocrypta paralyssos ♂
30 - III - 2006, Eo Xoài



Notocrypta paralysos ♂
30 - III - 2006, Eo Xoài

Bướm nhảy nhỏ xám

Suastus minutus sc 34mm, ct 15mm

Phân biệt với *S. gremius* bởi kích thước nhỏ hơn và các chấm đen ở mặt dưới cánh sau không rõ ràng, chấm đen trong ô cánh sau nếu có thì nhỏ hơn các chấm đen ở phía ngoài ô cánh.

Eo Xoài.



Suastus minutus ♂
11 - VII - 2007, Eo Xoài



Suastus minutus ♀
11 - VII - 2007, Eo Xoài



Suastus minutus ♂
11 - VII - 2007
Eo Xoài

Suastus minutus ♀
11 - VII - 2007
Eo Xoài

Bướm nhảy xám trắng

Suastus gremius

Kích thước lớn hơn so với *S. minutus*. Chấm đen ở mặt dưới trong ô cánh sau bằng hoặc lớn hơn các chấm đen phía ngoài. Gần chót cánh trước có ba chấm trắng ở mặt dưới.

Rừng Quốc phòng.



Suastus gremius ♀
11 - VII - 2007, Eo Xoài

Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Bướm nhảy gân vàng

Pyroneura margherita sc 33mm, ct 16mm

Giống *Pyroneura* có thể được nhận diện dễ dàng bởi mặt dưới cánh có màu sắc rất đặc trưng: các gân cánh màu vàng hay đỏ, các chấm hoặc các vạch trong mờ ở giữa các gân cánh. Loài *P. margherita* phân biệt với các loài khác trong cùng giống bởi các đốm vàng ở mặt trên cánh trước gần như chạm vào nhau, chấm trắng mờ trong ô 4 tách rời ra khỏi chấm trong ô 3.

Núi Tượng. Không phổ biến.



Pyroneura margherita ♂
22 - III - 2007, Núi Tượng



Pyroneura margherita ♂
22 - III - 2007, Núi Tượng

Bướm nhày viền trắng khuyết

Lotongus calathus sc 41mm, ct 22mm

Giống *Lotongus* đặc trưng bởi ô cánh sau ngắn hơn một nửa chiều dài cánh, môi sờ có đốt thứ ba hẹp, nhọn và chĩa ra ngoài. Loài *L. calathus* phân biệt với các loài khác trong giống này nhờ một viền màu trắng vàng như một mảnh trắng khuyết ở vùng chót cánh sau.

Eo Xoài. Chỉ mới ghi nhận được một lần ở Phú Quốc.



Lotongus calathus
02 - IV - 2006, Eo Xoài

Bướm nhảy cây

Hyarotis adrastus sc 35mm, ct 18mm



Hyarotis adrastus
23 - III - 2007, Eo Xoài

Đễ dàng phân biệt với các loài khác trong cùng giống nhờ kích thước lớn nhất và có vạch trắng bị lem mép phía ngoài rất đặc trưng ở mặt dưới cánh sau.

Eo Xoài.



Hyarotis adrastus ♂
VIII - 2007, Eo Xoài
Mẫu: Lê Duy Sơn

Bướm nhảy nâu lớn đốm vàng

Gangara thyrsis sc 70mm, ct 35mm

Kích thước lớn. Kiểu màu sắc tương tự giống *Erionota*, tuy nhiên kích thước lớn hơn nhiều, mặt dưới cánh sau màu xám, có các vảy sáng màu hơn trông mốc mốc và ánh tím. Ô cánh sau ngắn hơn nửa chiều dài cánh. Mắt đỏ. Mẫu vật thu được ở Phú Quốc giống với loài phụ *G. thyrsis thyrsis*.

Eo Xoài.



Gangara thyrsis ♂
16 - VII - 2007, Eo Xoài

Bướm nhày đốm vàng hại chuối

Erionota acroleuca sc 53mm, ct 27mm

Giống *Erionota* tương tự như giống *Gangara* nhưng kích thước nhỏ hơn, mặt trên cánh trước chỉ có ba đốm vàng. Đặc trưng của giống *Erionota* ô cánh sau dài bằng nửa chiều dài cánh. Loài *E. acroleuca* phân biệt với các loài khác trong cùng giống nhờ kích thước tương đối nhỏ, và chót cánh trước có màu phớt bạc.

Eo Xoài.



Erionota acroleuca
23 - III - 2007, Eo Xoài



Erionota acroleuca
23 - III - 2007, Eo Xoài



▽ △
Erionota acroleuca ♂
16 - III - 2007, Eo Xoài

Bướm nhày nâu mắt đỏ thường

Matapa aria sc 33mm, ct 18mm

Loài này có mặt trên cánh màu nâu. Các vảy dạng lông ở rìa cánh màu vàng xám. Loài này dễ nhận diện bởi mắt đỏ và màu nâu gạch của mặt dưới cánh. Chỉ gặp dưới bóng râm.

Eo Xoài. Chưa thu được mẫu.



Matapa aria
30 - III - 2007, Eo Xoài

Bướm nhảy sâu cuốn lá đốm lạch

Parnara apostata sc 26mm, ct 15mm

Giống *Parnara* có kích thước nhỏ, râu chỉ dài bằng 2/5 bờ cánh trước. Phân biệt với các loài khác trong cùng giống bởi bốn chấm trắng ở mặt trên cánh sau không thẳng hàng.

Rừng Quốc phòng, chưa thu được mẫu, tuy nhiên ảnh chụp đủ nhận diện đến cấp loài một cách đáng tin cậy.



Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

Parnara apostata

16 - III - 2007, Rừng Quốc phòng

Bướm nhảy nhỏ bốn chấm

Pelopidas mathias sc 32mm, ct 16mm

Giống *Pelopidas* phân biệt với các loài khác có kích thước và kiểu màu sắc tương tự nhờ có một chấm trắng ở mặt dưới ô cánh sau. Loài *P. mathias* phân biệt với các loài khác tương tự trong cùng họ bởi mặt dưới cánh sau có bốn chấm trắng xếp thành vòng cung. Một loài khác rất giống loài này là *P. agna* nhưng kích thước lớn hơn và mặt dưới cánh màu nâu hơi xanh.

Eo Xoài.



Pelopidas mathias

24 - III - 2007, Eo Xoài

Giống bướm nhảy nhỏ đốm vàng

Potanthus sp.

Giống *Potanthus* là những loài có kích thước nhỏ màu nền đen với các vạch đốm màu vàng, hầu như không thể phân biệt được bằng cách quan sát hoặc ảnh chụp.

Ghi nhận được ở Eo Xoài và Rừng Quốc phòng, chưa thu được mẫu. Ảnh chụp của anh Nguyễn Vũ Khôi ở Eo Xoài có thể là loài *Potanthus ganda*.



Ảnh: Nguyễn Vũ Khôi

? *Potanthus ganda*
06 - IV - 2007, Eo Xoài

Giống bướm nhảy nâu

Baoris sp.

Giống *Baoris* có kích thước trung bình trong họ Hesperiiidae, rất giống với giống *Caltoris*, phân biệt bởi đốt chân giữa có gai.

Rừng Quốc phòng. Chỉ có một ảnh chụp, nhưng không thu được mẫu. Phân tích ảnh chụp cho thấy đốt chân giữa có gai, đặc trưng cho giống *Baoris*. Tuy nhiên việc định danh chỉ là tạm thời, chưa chắc chắn.



Baoris sp.
15 - VII - 2007, Đá Bàn

Tài liệu tham khảo

1. **An Illustrated Checklist of the Butterflies of Laos P.D.R.**, Shilo Osada, Yoshinobu Uemura, Jiro Uehara, Mokuyo-sha, 1999.
2. **Butterflies of the Oriental Region, part II (Nymphalidae, Satyridae, Amathusidae)**, Bernard D' Abrera, 1985.
3. **Biology of Australian Butterflies, Volume 6**, CSIRO-1999.
4. **Butterflies in Thailand, volume 1-6** (1981 - 1996), B. Pinratana
5. **Butterflies of Australia**, I.F.B. Common & D.F. Waterhouse, SCIRO Australia, 1981.
7. **The Butterflies of Malay Peninsula**, A. Steven Corbet and H.M. Pendlebury - Malayan Nature Society, 1992.
8. **The Butterflies of Papua New Guinea, their systematics and Biology**, M. Parsons, Academic Press - 1999.
9. **The life histories of Asian Butterflies**, Igarashi and Fukuda - Vol.1 (1997), Vol.2 (2000).
10. **Các loài bướm phổ biến ở Việt Nam - sách hướng dẫn**, A.Monastyrskii và A. Devyatkin, 2002.
11. **Danh lục minh họa các loài bướm ngày ở Việt Nam**, A.Monastyrskii và A. Devyatkin, 2003.
12. **Nhận diện bằng hình ảnh một số loài bướm Việt Nam**, Bùi Hữu Mạnh, 2006

Các loài bướm ngày ở Phú Quốc BÙI HỮU MẠNH

Thiết kế: **Bùi Hữu Mạnh**
Biên tập: **Nguyễn Vũ Khôi**

Cuốn sách này được thiết kế bằng phần mềm nguồn mở **Scribus**. Hình ảnh được xử lý bằng phần mềm nguồn mở **GIMP**. Bản đồ và ảnh vệ tinh được xây dựng các bằng phần mềm nguồn mở **Quantum GIS** và **GRASS GIS**. Xin cảm ơn các nhóm phát triển phần mềm nguồn mở.



Xuất bản: tháng 12 năm 2007

Giấy phép xuất bản số:

Khổ 14,5 x 20,5 cm

In tại Công ty in Khánh Dung tháng 12 năm 2007

Số lượng: 1000 bản

WAR

WILDLIFE AT RISK

Tổ chức Wildlife At Risk (WAR) được thành lập để bảo vệ đa dạng sinh học của Việt Nam thông qua việc chống buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã, nâng cao ý thức về môi trường và khuyến khích việc bảo tồn các loài có nguy cơ bị đe dọa và bảo vệ môi trường sống của chúng.

Địa chỉ : 8/9 Đinh Tiên Hoàng, Q. I, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (+84) 8 9100328 - (+84) 8 9106126
Fax : (+84) 8 9106127
Thư điện tử : info@wildlifeatrisk.org
Trang web : www.wildlifeatrisk.org

Công ty Du lịch Sinh thái Eo Xoài là
đồng tài trợ của quyển sách này.



MANGO
BAY